

ĐÔNG - TÙNG

BÚT CHIẾN ĐẤU

LƯỢC-SỬ ĐẤU-TRANH GIẢI-PHÓNG CỦA DÂN-TỘC
VIỆT-NAM TRONG MẶT TRẬN VĂN-NGHỆ BÁO-CHÍ

HỘI KHÔNG-HỌC VIỆT-NAM

XUẤT - BẢN

- 1957 -

ĐỒNG TÙNG



BÚT CHIẾN ĐẤU

*Lược sử đấu tranh giải phóng của dân tộc
Việt-Nam trong Mặt trận-Văn nghệ, Báo chí...*



HỘI KHÔNG-HỌC VIỆT-NAM

Xuất bản

— 1957 —

Lời nói đầu

Bàn tới lịch sử đấu tranh của một dân tộc, chúng ta không thể xem nhẹ những giòng mực song song tuôn đổ với bao giòng mồ hôi, nước mắt và máu tươi.

Thiệt vậy, dân tộc Việt-Nam suốt 80 năm tranh đấu toàn diện không ngừng — trong lãnh vực văn hóa nói chung và văn nghệ, báo chí nói riêng — đã ghi lại trên trang sử oai hùng của dân tộc những nét son đậm đà sáng chói :—

Này những bài sớ, bài tấu và những bài điều trần lên nhà vua mọi ngày cơ vong quốc.

Này những bài chiếu (Cần Vương) ; những bài hịch (Bình Tây). Này những bài ca, bài báo, những sách vở sáng tác ở quốc nội hay hải ngoại với những lời lâm ly, hùng tráng, cổ động nhân dân làm cách mạng.

Với những tài liệu chọn lọc, chúng tôi cố gắng biên tập lại và hệ-thống-hóa ra sau, hầu mong giúp một phần rất nhỏ tài liệu nước nhà, trong cuộc đấu tranh tự cứu, mà lãnh vực văn hóa đã đóng góp.

Về phần phụ lục, chúng tôi cố ý chọn lọc những tác phẩm có giá trị về lịch sử mà vì lý do này hay lý do khác, ít được lưu hành trong nhân dân hiện nay, riêng chúng tôi nhờ điều kiện cá biệt, đã sưu tầm trong khi hoạt động chính trị ở hải ngoại trước đây bao nhiêu năm.

Trung thu năm 1957

ĐÔNG-TÙNG

CHƯƠNG I

NHỮNG ĐẠO SỞ, TẤU, NHỮNG BÀI ĐIỀU TRẦN CỦA MẤY NHÀ ÁI-QUỐC CHÍ-SĨ THỨC THỜI

Trước nạn xâm lăng của đế-quốc Tây phương ; trước nạn chấp-mê bảo-thủ của phong kiến Nguyễn triều ; trước nguy cơ vong quốc, tiền nhân chúng ta đã có những kẻ tri cơ tiên liệu như thế nào, và đã có những tác phẩm gì về văn hóa, có tính chất quốc phòng :



Năm Ất-Sửu (1865) Tự-Đức thứ 18, Ông Phạm-Phú-Thứ Tham-tri bộ Lại, nhân đi Pháp về ; trông người mà gẫm đến ta, ông bèn dâng sớ lên vua Tự-Đức, nội dung đạo sớ ấy ông thiết tha đề nghị : lập trường thủy học, rước người ngoại quốc về dạy kỹ-thuật hàng hải. Ông nhấn mạnh rằng vấn đề giao thông hàng hải là một điều kiện quan trọng cho nền văn-minh của Âu-Tây. Cũng

trong đạo số ấy, ông đề nghị : lấy quốc-ngữ thay chữ Hán, vì chữ Hán học lâu, phiền phức ; là một chương ngại vật cho đà tiến triển của dân tộc.

Năm Quý-Dậu (1873) Tự-Đức thứ 26, ông Phạm-phú-Thứ lại một lần nữa dâng sớ lên vua, nội dung ông xin triều đình chỉnh đốn cải tổ vô bị lại theo quy chế Tây phương, cho ngoại quốc tự do buôn bán, kết thân với các cường quốc để tìm vậy cánh, tìm cách đặt lãnh-sự ở Hương-Cảng để làm cơ cấu ngoại giao với thế giới.

Năm Mậu-Thìn (1868) Tự-Đức thứ 21, hai ông Trần-Đình-Túc và Nguyễn-Duy-Tế, nhân qua Hồng-Kông thấy thực trạng văn minh của thế giới hữu hình, khi về nước hai ông cũng làm một đạo sớ dâng lên nhà vua với những lời khẩn thiết, đề nghị khai hải cảng, mở thương mại với thế giới ; nội dung đạo sớ hai ông cực lực nói rõ cái nguy hại của chủ trương bế môn tỏa cảng của triều đình đương thời.

Cùng trong năm ấy, ông Đinh-văn-Điều người huyện An-Mô, tỉnh Ninh-Bình, dâng phiến lên nhà vua mật tâu các việc : Lập sở dinh điền, khai mỏ khoáng, kiến thiết đường xe lửa, kết giao với nước Anh, rước họ về

BÚT CHIẾN ĐẤU

làm thầy dạy.

Năm Nhâm-Thân (1872) Tự-Đức thứ 25, một vị quan trong Cơ-mật-viện, dâng tấu lên vua đề nghị : Nhà vua phải cấp tốc kiến thiết 3 thương cảng : Đà-Nẵng, Ba-Lạt và Đồ-Sơn, để giao thông cùng ngoại quốc, trong tấu cũng nói rõ : nếu nhà vua giữ mãi chính sách bế môn tỏa cảng thì nguy hiểm cho đất nước.

Năm Kỷ-Mão (1879) Tự-Đức thứ 32, ông Nguyễn-Hiệp nhân đi sứ Xiêm về, mật tấu lên vua, nội dung ông đề nghị với triều đình : nên học nước Xiêm dùng phương pháp ngoại giao, tự tạo cho mình một thế trái độn mới hòng giữ được nước, một nước nhược tiểu trước nạn xâm lăng của Tây phương.

Diệu kế ấy không được nhà vua chấp nhận và thi hành.

Công tác cứu quốc bằng ngòi bút của những nhà ái-quốc chí-sĩ Việt-Nam vào thời kỳ này, vai trò trội nhất có thể nói là ông Nguyễn-Trường-Tộ.

Nguyễn-Trường-Tộ (1827 - 1871) người làng Bùi-Chu, phủ Hưng-Nguyên, tỉnh Nghệ-An, nổi tiếng hay chữ từ thuở nhỏ, nhưng ông rất ghét lối học khoa cử nên không đi

thi. Là một tín đồ đạo Thiên Chúa, nên được nhà Dòng Tân-Ấp mời làm thầy giáo chữ Hán, và được đức Giám-mục Gauthier (Ngô-Da-Hậu) dạy học chữ Pháp và các khoa học phổ thông. Sau ông theo Giám-mục qua Ý rồi sang Pháp, ở lại Pháp học tập xem xét trong ít lâu. Trên đường về nước ông có lưu lại Hồng-Kông một thời gian để nghiên-cứu tình hình. Khi về tới nước nhà, ông đem hết những kiến văn mà ông đã học hỏi được, viết thành những bản điều trần, những sách vở đệ lên triều đình nhà Nguyễn, trong đó có những bản này là quan trọng :

1.— Ngày 29-3-1863 (11-2-16 Tự-Đức), điều trần về việc tôn giáo, trong đó ông nhấn mạnh về quyền tự do tín ngưỡng, cũng như cấm đạo chỉ là một hành động có lợi cho Pháp trong việc xâm lược Việt-Nam.

2.— Ngày 9-8-1866 (6-19 Tự-Đức), điều trần về việc phái học sinh đi du học ở ngoại quốc, trong đó ông nói rõ tri thức là vốn liếng của dân-tộc, là căn bản của sự bảo quốc.

3.— Ngày 1-9-1866 (6-19 Tự-Đức), ông dâng lên vua bản sách **Lục Lợi Từ** bản về 6 vấn đề có lợi cho nước.

4.— Ngày 3-9-1866 (25-7-19 Tự-Đức), ông dâng lên triều đình bản sách « **Thiên Hạ**

Đại Thế Luận » một bản sách nhận xét tình hình thế giới và nguy cơ Việt Nam.

5.— Ngày 15-11-1867 (20-10-20 Tự-Đức), ông dâng lên nhà vua bản sách « **Tế cấp bát điều luận** » (8 vấn đề nhà vua phải thực hiện ngay để giữ nước, cứu nước).

6.— Ngày 12-3-1868 (19-2-21 Tự-Đức), ông đệ trình lên vua Tự-Đức một bản sách nhan đề « **Giao thông sự nghi bàm minh** ».

Nội dung bản sách này ông nói rõ : Ngoại giao cũng là một điều kiện quốc phòng không kém phần quan trọng, với thế giới văn minh, không nước nào đứng được một mình, mà nước Tàu cũng là một nước hèn yếu và lạc hậu, Việt-Nam chớ trông cậy vào họ.

7.— Ngày 4-10-1871 (2-8-24 Tự-Đức), ông dâng lên nhà vua một đề nghị khai khẩn hoang điền, chấn hưng nông nghiệp, trong đó ông nói rõ : Việt-Nam là một nước nông nghiệp, muốn cho nước giàu dân mạnh phải chấn hưng nông nghiệp v.v...

Căn cứ vào những sử liệu trên, ta thấy rằng : mặc dầu trước sức xâm lấn mãnh liệt của đế-quốc Tây phương, Việt-Nam cũng như các nước tiểu dân tộc nông-nghiệp lạc hậu khác đều phải chịu mất nước, nhưng tiền

nhân ta không phải là không nhận thức được nguy vong đó ; mà chính các ngài đã có những biện pháp cứu nguy rất thiết thực, chỉ đáng phàn nàn rằng ý kiến của các ngài không được triều-đình đương thời chấp nhận và thi hành. Đó phải chăng cũng là một điều kiện tất yếu của lịch sử ; một ý-thức-hệ của một chế độ phong kiến tàn rụi, làm sao mà ý thức nổi để áp dụng đúng một sự nhận xét của những người đủ sáng suốt thức thời nhìn rõ nguy cơ của đất nước. Đề làm một bài kết luận chương này, chúng tôi xin mượn một bài thơ vịnh vua Tự-Đức của cổ nhân.

Thơ vịnh vua Tự-Đức

*Ai gây thảm họa đến bây giờ,
Chỉ tại nhà vua đã thất cơ,
Nước mất không lo, lo chuộc ruộng.
Mình hèn chẳng biết, biết ngâm thơ,
Giàn phùng da trắng không lo đuôi,
Chắc lũ Cờ Đen luống đợi chờ.
Nếu biết theo gương Minh-Trị (1) Nhật,
Giống nòi chi đến nỗi bơ-vơ.*

(1) tức là Minh-Trị Thiên-Hoàng, ông vua đầu tiên chủ trương duy tân nước Nhật.

CHƯƠNG II

CHIẾU CẦN-VƯƠNG CỦA VUA HÀM-NGHI VÀ HỊCH CẦN-VƯƠNG THẢO-TẶC CỦA VĂN-THÂN KHƠI NGHĨA

Năm 1884, Hòa ước bóp cổ Ba-Tờ-Nốt (Patenôtre) ra đời bắt buộc triều đình Việt-Nam phải công nhận sự cướp nước của thực dân Pháp. Thua thì phải ký, yếu thì phải nhượng. Nhưng Triều-đình, Văn Thân và nghĩa dân toàn quốc Việt-Nam thì không sao chịu nổi nhục nhã.

Vì vậy ngày 23-5 năm Ất-Dậu (1885), do Ngũ-quân Đô-thống Tôn-Thất-Thuyết chỉ huy Nam quân, hợp cùng những đoàn nghĩa dũng « Kiệt sĩ » do nghĩa dân kinh thành Huế tự động tổ chức, nhất tề nổi dậy phản công lại quân Pháp. ở Huế, mục đích khôi phục lại thành trì xã-tắc, nhưng vì hỏa lực quá yếu nên thua giặc, biến ngày ấy thành ngày thất thủ kinh đô.

Kinh đô thất thủ, vua Hàm Nghi phải bỏ chạy ra Quảng-Trị, Quảng-Bình và Hà-Tĩnh, hạ chiếu Cần-Vương. Chiếu đề ngày 11 tháng 8 năm hiệu Hàm-Nghi thứ nhất.

Nội dung đạo chiếu ấy đại khái như sau :

« Chỉ vì sức yếu, nên ta phải chịu nhục ký hòa-
 « ước với giặc Pháp đã bao nhiêu năm và bao nhiêu
 « lần. Với chính sách « tâm thực », thoạt tiên chúng
 « cướp 3 tỉnh ở Nam-Kỳ, còn 3 tỉnh nữa sau 2 năm
 « chúng cũng cướp nốt. Nhưng tài tham của quân
 « cướp nước không bao giờ đầy. Thế rồi chúng
 « dùng thiên phương bá kế khiến khích gây hấn
 « khắp Trung và Bắc-Kỳ, rồi đòi lập lãnh sự ở Huế
 « và Bắc-Kỳ, bắt buộc ta phải ký hiệp-ước, mới rồi
 « chúng lại thêm bớt xóa bỏ. Cuối cùng chúng dùng
 « bạo lực đánh chiếm Bắc-Kỳ. Nuốt trôi Bắc-Kỳ,
 « chúng kéo quân đánh vào cửa Thuận-An (Trung-
 « Kỳ), quân ta thua ở Thuận-An, chúng kéo quân
 « vào đóng Hoàng-Thành, bắt buộc vua ta làm bù
 « nhìn cho chúng đề cai trị dân. Nhục nhã ấy không
 « sao chịu nổi ».

« Vì vậy mà dưới mạng lệnh Ta, Hội-đồng Cơ
 « mật quyết khởi một trận tập công ở Huế. Nếu
 « quân ta thắng thì Nguyễn-văn-Tường đón Trầm
 « ra ngự tại Nghệ-An, Hà-Tĩnh, đề Tôn-thất-Thuyết
 « ở lại Huế lập thế trận. Bằng quân ta thua, thì

‘ Trầm cùng vòì triều thần lánh ra miền Bắc mưư
‘ độ̀ ḳhôi phục ».

‘ Cuộc tập công ngày 23 tháng 5 ḳhởi từ nửa
‘ đêm, giữ mãi được đến nửa buổi sáng thì quân ta
‘ phải rút lui vì sức yếu ».

‘ Ngay lúc nguy ḳhốn ấy, thì tên gian thần
‘ Nguyễn-văn-Tường đòi bụng lèn trốn vào nhà giáo
‘ Kim-Long, còn Tôn-thất-Thuyết thì vẫn theo Trầm
‘ chỉ huy nghĩa quân đánh lại giặc Pháp ».

‘ Hiện nay Trầm cùng Ngũ-quân Đô-thống
‘ Tôn-thất-Thuyết cùng tướng lãnh đã tới Ấu-Sơn
‘ thuộc huyện Hương-Khê, tỉnh Hà-Tĩnh bây giờ,
‘ nơi đây có thể lập căn cứ cho cuộc trường kỳ
‘ kháng chiến với giặc Pháp đề mưư độ̀ ḳhôi phục
‘ lại giang sơn xã tắc ».

‘ Hỡi các trung thần nghĩa sĩ toàn quốc !

‘ Hỡi các nghĩa dân hảo hán bốn phương !

‘ Trước giờ Tồ quốc lâm nguy, xã tắc nghiêng
‘ độ̀, ai là dân, ai là thần, lẽ nào chịu ḳhoanh tay
‘ ngồi chờ chết. Hãy mau cùng nhau đứng dậy, phất
‘ cờ ḳhởi nghĩa, đánh giặc cứu nước ».

.
.

Tồ chiếu trên này làm cho lòng dân chấn
động. Các bậc khoa bảng, các nhà phú hào,
kẻ có thế, người có tiền, đồng thời chiêu mộ
anh hùng dũng sĩ bốn phương, lấy nhà mình

làm trường diễn võ, mang cơ nghiệp vào giúp quân lương. Nơi bảy tám trăm người, nơi một đôi ngàn người, bỏ cày cuốc ra cầm gươm, đổi bút lông lấy súng. Nhân dân Việt-Nam dưới quyền chỉ huy của các cụ Văn-Thân, đã tự tạo nên một phong trào Cần Vương vô cùng sôi nổi. Phan-Đình-Phùng, Đinh-Nho-Hạnh khởi nghĩa ở Hà-Tĩnh, Nguyễn-Xuân-Ôn, Đinh-Văn-Chất ở Nghệ-An, Tống-Duy-Tân, Cẩm-Bá-Tước ở Thanh-Hóa, Nguyễn-Hiệu, Nguyễn-Thành ở Quảng-Nam, Lê-Trực, Nguyễn-Phạm-Tuân ở Quảng-Bình.

Ý thức đất nước là riêng của triều-đình thốt khỏi ra tinh thần quốc-gia mãnh liệt. Trong bài hịch Cần-Vương của Văn-Thân Nghệ, Tĩnh, Bình gởi đi các nơi, có những câu :

« Nhớ thuở thái bình tại Vũ, bề không phù phó mặc khách công danh ;

« Đến khi di địch loạn ra, đường khôi phục phi vầy trong tiết nghĩa ;

« Nhà hồng ngà còn lành còn chống, chẳng phiền cho gặp kẻ Tôn, Ngô.

« Giặc đang loạn, sĩ nước đón ngăn, chi dễ chúa trông tôi Phá, Mục ;

« Lỗ-Trọng-Liên nghĩa bất để Tần, phận nho giả mà lòng lo vũ trụ ;

*Văn-Thiên-Tường trung phò chúa Tống, bước
lưu ly mà vai vác cương thường*
.
.

Hịch Cần vương trên đủ chứng tỏ Văn-Thần và nghĩa dân thời ấy chống đánh với giặc Pháp bằng khí phách nhiều hơn bằng khí giới, thiết vậy :

Trong bài hịch Cần-Vương ở Bắc-Hà có những câu :

*« Nếu đề Tây-dương đặc chí, ngũ kinh không
khỏi lửa Tăn.*

*« Bằng cho giặc Pháp hoành hành,... ắt treo
cửa Không ! »*

Lại như trong bài hịch kêu gọi nhân dân tham gia Cần-Vương ở Nam, Ngãi, Bình, Phú có những câu :

« »

« »

« Tây lẫn sang chiếm trước Nam-Kỳ ;

« Giả danh bảo hộ Nam thù ;

« Kỳ thực nó dùng mưu lấy nước.

« Nó giao thiệp xin thông hòa ước

« Tây với Nam kết bạn đồng minh ;

« »

« »

« »

«
 « *Một giếng nòi nào phải mấy ai đầy,*
 « *Dân một nước bỗng chia ra hai phái !*
 « *Nước Nam ta gặp cơn bãi hoại,*
 « *Vua chim mỗi quan lại chó săn,*
 « *Hỡi những người chí sĩ nhân nhân,*
 « *Vì buổi ấy phải liều thân với nước.*
 «
 «

Ngoài những bài văn, bài hịch của các cụ Văn-Thân Cần-Vương, trong nhân dân thời bấy giờ cũng lưu hành truyền tụng rất nhiều những bài ca, bài vè và những câu ca dao rất hùng hồn bi tráng, chẳng hạn như bài « **Chính khí ca** » của ông Nguyễn-Văn-Giai người Hà-Đông, nội dung tác giả ca ngợi cái chí khí anh dũng, tiết tháo của nhà chí-sĩ Hoàng-Diệu tuần tiết vào ngày thất thủ Hà-Nội (1882) và nói lên cái nỗi căm hờn của nhân dân Việt-Nam đối với quân đội tàn bạo của thực dân cướp nước khi đánh chiếm Hà-Nội.

Bài « **Hạnh thực ca** », tác giả là nữ sĩ Nguyễn-thị-Bích tự Lang-Hoài, người huyện An-Phúc, tỉnh Ninh-Thuận. Nội dung « **Hạnh thực ca** », tác giả nói lên cái cảnh nước mất thành tan, giang sơn bị ngoại bang dày xéo, ngày biến cố 23-5 năm Ất-Dậu, ngày thất thủ kinh đô, vua Hàm-Nghi bỏ chạy.



Chân dung Vua HÀM-NGHI

Vị vua chủ trương cuộc phản công lại quân Pháp ở kinh-đô Huế ngày 23-5 năm Ất-Dậu (1885).

Sau Ngài xuất奔 ra hạt Quảng-bình và Hà-tĩnh, hạ chiếu Cần-vương. Cuối cùng Ngài bị Pháp bắt đày đi Algérie.

Ngoài những bài ca ấy lại cũng có những câu ca dao phần nhiều là vô danh, tự trong nhân dân phát ra, cũng không kém phần hùng tráng. Như những câu :

- *Nước Nam có bốn gian hùng.*
- *Tường gian, Viêm giới, Khiêm hùng,*
Thuyết ngu.
- *Lại thêm hai thằng vũ phu ;*
- *Đề Đức, Đề Soạn dương khu chịu đòn "*

Lại có những câu táo bạo hơn, như :

- *Chém cha thằng Nguyễn-Văn-Tường.*
- *Tham danh trục lợi lộn chuồng theo Tây "*

CHƯƠNG III

NHỮNG ÁNG VĂN CÁCH MẠNG QUA CÁC PHONG-TRÀO ĐÔNG-DU VÀ QUANG-PHỤC (1904-1925)

Sau ngày các chiến khu của nghĩa quân Cần Vương như : Bãi-Sậy, Ba-Đình, Vũ-Quang lần lượt bị giặc Pháp công phá, bao nhiêu tướng sĩ, nghĩa dân đã bỏ mình vì nước, cách mạng Việt-Nam lâm vào thoái trào ; thực dân Pháp tưởng thế là hết chuyện.

Nhưng chúng không hiểu rằng : chúng sống trên một lãnh thổ đông đúc trên 20 triệu con người, dân-tộc Việt-Nam có khả năng và tinh thần Độc-Lập, với sĩ khí bất khuất, với truyền thống anh dũng đã chung đúc nên những người thà chết chứ không thể sống được để trông đất nước luàn vong, giống nòi điêu đứng.

Người tiêu biểu cho các nhà ái quốc chí sĩ Việt-Nam thời bấy giờ là cụ Phan-Bội-Châu

biệt hiệu là Sào-Nam, người làng Đan-Nhiệm, huyện Nam-Đan tỉnh Nghệ-An.

Cụ Phan-Bội-Châu không những một nhà ái-quốc chí-sĩ mà còn là một văn-sĩ nữa. Thân thể và sự nghiệp của cụ nó gắn liền với lịch sử cách mạng Việt-Nam vào thời kỳ năm 1904 - 1925 ; và những tác phẩm cách mạng vào thời kỳ đó cũng hầu hết do Cụ sáng tác, mặc dầu trên danh nghĩa là của những tổ chức Đảng, Hội cách mạng.

Nhưng những tác phẩm của các cụ, hầu hết là sáng tác ở hải ngoại : Nhật và Tàu, và lưu hành bí mật, nên bây giờ phần nhiều bị thất thác.

Dầu sao chúng tôi cũng cố tìm tòi liệt kê ra sau đây, tuy biết còn thiếu sót rất nhiều :

1.— Bài ca **Á - Tể - Á** của cụ Nguyễn-Thiện-Thuật (xem phụ lục).

2.— **Song-tuất-lục** : Nội dung tác giả Phan Sào-Nam ghi chép cuộc khởi nghĩa Cần-Vương ở Nghệ-An, do hai lãnh tụ ông Mai và ông Tấn vào khoảng hai năm 1884 - 1885. Song-tuất-lục, cụ Phan trước thuật bằng chữ Hán.

3.— **Lưu cầu huyết lệ tâm thư** : Nội dung tác giả Phan-Sào-Nam đánh thức quốc dân đồng bào, giác ngộ cách mạng.

4.— Việt-Nam vong quốc sử : Tức là cuốn lịch sử Pháp cướp Việt-Nam, tác giả nêu lên những gương anh dũng của những nhà ái quốc chí sĩ Việt Nam đã bị Pháp giết trong khi chống lại họ.

Cuốn sách này cụ viết theo lời đề nghị của nhà cách mạng Trung-Hoa Lương-Khải-Siêu, khi viết xong, cụ đưa bản thảo cho Lương xem rồi Lương cho in chung vào « Âm-băng văn thư tập ».

Cụ Phan còn cho xuất bản riêng một số ở Nhật, rồi cụ cho ông Đặng-Tử-Kinh mang về nước, làm tài liệu cổ động cho phong trào Đông-Du.

5.— Khuyến quốc dân du học văn, bằng chữ Hán. Bản sách này cũng viết ở Nhật, nội dung hô hào cổ động thanh niên du học Nhật bản ; các nhà phú hữu giúp tiền làm kinh phí cho du học sinh qua Nhật.

Tác giả nhập đề bằng câu :

« Ô hô ! Côn-Lôn bắc vọng ; Cửu-Long đông cổ ; ngã quốc giang san yên tại tại ! »

Nghĩa là : Hỡi ơi ! đứng trên Côn-Lôn mà trông về bắc ; bên mé Cửu-Long mà ngó về đông ; giang san Việt-Nam còn đâu nào ?

6.— Hải ngoại huyết thư — một bức thư từ hải ngoại gửi về, nội dung bày tỏ cái

thảm trạng dưới quyền lực bảo hộ của Pháp và hô hào nhân dân nổi dậy hưởng ứng cách mạng. Cụ Phan viết bằng chữ Hán, mà một chi sĩ khác, ông Lê-Đại dịch ra tiếng Việt, có những câu sau đây :

- « *Người nước ta lạ là rất lạ ?*
 « *Nông nổi này nghĩ đã biết chưa ?*
 « *Hay là ngư ngằn, ngằn ngư,*
 « *Hay còn hờ hững như trò chuyện chơi !*
 « »

Lại có câu :

- « *Lời huyết lệ gọi về trong nước ;*
 « *Kề tháng ngày chưa được bao lâu,*
 « *Liếc xem phong cảnh năm châu*
 « *Gió mây phẳng lặng, dạ sầu ngàn ngư.*

Lại có những câu :

- « *Một là vua, việc dân chẳng biết*
 « *Hai là quan chẳng biết gì dân*
 « *Ba là dân chỉ biết dân*
 « *Mặc quân với quốc, mặc thần với ai ».*

7.— Kính cáo Nam-Kỳ phụ lão văn : Bản văn này làm lời cụ Kỳ-Ngoại-Hầu Cường-Đề, cụ Phan-Sào-Nam viết bằng chữ Hán, nội dung kêu gọi các nhà phú hữu Nam-Kỳ hãy bỏ tiền ra giúp học sinh du học Nhật-Bản.

Bản văn ấy sau ông Lê-Đại cũng dịch ra tiếng Việt, mở đầu bằng câu :

- « *Thương ôi Lục tỉnh Nam^{*} Kỳ,*
 « *Ngàn năm cơ nghiệp còn gì hay không ?*

» *Một mùa một giải non sông,*

« *Hỡi ai, ai có đau lòng chẳng ai?* »

8.— Việt-Nam nghĩa liệt sử : Sách viết bằng chữ Hán, lại phụ lục thơ vịnh, nội dung là tập trung tất cả những tiểu sử các anh hùng chí sĩ đã vì nước bỏ mình, từ ngày Tây bắt đầu cướp nước ta cho đến năm 1907 lúc cụ viết cuốn sách này ở Nhật-Bổn.

9.— Viễn hải quy hừng và Tang hải lệ đàm : Hai cuốn sách này cũng bằng chữ Hán do Mai-Son Nguyễn-Thượng-Hiền viết năm 1907 tại Đồng-Văn thư viện trên đất Nhật-Bổn. Nội dung tác giả hô hào thanh niên phải mau mau giác ngộ trước cảnh nước mất nhà tan. Hai bản sách này được bị mật lưu hành trong nước, rất có ảnh hưởng.

10.— Việt-Nam quốc sử tham khảo : Sách cụ Phan viết bằng chữ Hán, là một cuốn lịch sử Việt-Nam, thêm phần nhận xét của tác giả, trong đó cụ Phan chứng minh : *Việt-Nam là một dân tộc có truyền thống anh dũng, khả năng độc lập, không một lẽ gì có thể làm nô lệ mãi cho đến quốc Pháp, cuối cùng tác giả hô hào nhân dân nổi dậy làm cách mạng.*

11.— Lão-Bạng phò khuyến thư : Nguyên cụ Mai-Lão-Bạng tục gọi Già Châu là một người công giáo, mà lại là một lãnh tụ cách mạng ở hải ngoại. Lúc ấy nhân trong nước

có cái thành kiến nghi kỵ giữa lương và giáo do bọn phong kiến gây nên mà thực dân Pháp lại đào sâu thêm nữa.

Nội dung bản sách này nhà ái quốc Mai-Lão-Bang phân tách đả thông cho lương và giáo thông cảm hiểu thấu nhau, để thắt chặt tình đại đoàn kết dân tộc.

Bản sách này ảnh hưởng rất lớn sau khi được gởi về nước.

Tất cả những văn phẩm trên, đều là sáng tác ở Nhật gởi về trong nước cổ động cách mạng trong phong trào Đông-Du (1904-1908).

Cuối năm 1908, vì Pháp giao thiệp với Nhật, 200 học sinh và mấy nhà lãnh tụ bị Nhật trục xuất, phong trào Đông-Du thất bại. Các cụ, người về Tàu, kẻ về Xiêm, thì các cụ Phan-Sào-Nam, Đặng-Thúc-Hứa, Võ-Trọng-Đài, Đặng-Tử-Kinh, Cao-Danh-Nghĩa, Đinh-Doãn-Tế trở về Xiêm tiếp tục xây dựng lại cơ sở cách mạng.

Sau đây là những tác phẩm, mà các cụ làm ra ở Bạt-Thầm (Phi-Chật) nước Xiêm.

1.— **Ái quốc ca** mở đầu bằng những câu :

" *Nay ta hát một câu ái quốc*

" *Yêu gì hơn yêu nước nhà ta !*

"

2.— **Ái chủng ca** mở đầu bằng những câu :

- *Giống ta, ta phải yêu nhau*
- *Đưa lời ái chủng mấy câu giải lòng*
- *Hai mươi triệu, họ đồng tông*
- *Da vàng máu đỏ con dòng Hùng-Vương.*
-

3.— **Ái quần ca** mở đầu bằng những câu :

- *Ái quần ca, ta ca cho nhịp*
- *Bạn hãy mình phải biết thương nhau*
-

4.— **Ái đoàn ca** mở đầu bằng những câu :

- *Lòng ta yêu lấy đoàn ta*
- *Ái đoàn xướng một bài ca giải lòng*
-

(Bài nào còn tìm được chúng tôi sẽ phụ lục ra sau)

QUANG-PHỤC QUÂN PHƯƠNG LƯỢC

Đây là một cuốn sách binh thư. Nguyên năm 1911, sau khi cách mạng Tân-Hội Trung-Hoa thành công, thì xu hướng Việt-Nam cách mạng cũng thay đổi. Đến năm 1912, các nhà lãnh tụ cách mạng Việt-Nam lại họp nhau ở Tàu, thành lập **VIỆT-NAM QUANG-PHỤC HỘI**.

Khi thế cách mạng Việt-Nam lúc này lại có cơ phục hưng, **QUANG-PHỤC HỘI** bành trướng rất mau lẹ, đã tới lúc dùng võ trang

bạo động. Đại hội đồng **VIỆT-NAM QUANG-PHỤC** ở Hàng-Châu (Tàu) ủy giao cho ông Hoàng-Trọng-Mậu tức Nguyễn-Đức-Công, một người tốt nghiệp ở **Chấn-Vô học hiệu** ở Đông-Kinh khởi thảo, và nhà lãnh tụ Phan-Sào-Nam giúp ý kiến.

Nội dung sách gồm có :

- a) *Nhiệm vụ của Việt-Nam Quang-phục quân*
- b) *Kỷ luật của Quang-phục quân.*
- c) *Quy chế của Quang-phục quân.*
- d) *Quyền hạn cấp chỉ huy Quang-phục quân.*
- đ) *Phần lý thuyết quân sự của Quang-phục quân.*

Bản sách này vẫn áp dụng cho Việt-Nam Quang-phục quân từ năm 1912 mãi cho tới năm 1919 sau khi Quang-phục quân tan hết mới thôi.

Bản sách này hàm súc một tập tài liệu quân sự Du kích chiến gồm : **Phục kích, Tập kích, Đột kích, Định thân kỳ tập, Công kiên chiến, Vận động chiến.** Theo bài tựa của một tập tài liệu quân sự Việt-Cộng thì trong tập tài liệu đó Võ-Nguyên-Giáp đã ca ngợi khả năng quân sự của ông Hoàng-Trọng-Mậu trong cuốn **Quang-phục quân phương lược** này. Và Giáp công nhận y đã học hỏi nhiều trong đó để lấy tài liệu huấn luyện cho quân đội Kháng-chiến của y.

Từ tháng 12 năm Quý-Sửu (1913) đến tháng ba năm Bính-Thìn (1916), vì một

đòn giao thiệp của Toàn-quyền Đông-Dương Sarraut và sự chia rẽ giành ảnh hưởng nhau của quân phiệt Tàu, Cụ Phan-Sào-Nam bị Long-Tế-Quang bắt giam tại ngục Quảng-Đông (1913-1916).

Bốn năm bị giam giữ, ngoài cuốn « **Ngục trung thư** » là một cuốn nhật ký ngời tù, cụ Phan còn sáng tác những tập tài liệu sau đây, để cung ứng cho Cách-Mạng thời bấy giờ:

1.— **Việt-Nam Quốc hồn Lục** viết bằng chữ Hán, theo kiểu mẫu « **Trung Quốc Hồn** » của Âm-Băng Lương-Khải-Siêu.

2.— **Ngư-Hải tiên sinh biệt truyện** nói về thân thế và sự nghiệp ông Đặng-Thái-Thân biệt hiệu Ngư-Hải, viết bằng chữ Hán.

3.— **Tiểu-La tiên sinh biệt truyện** nói về thân thế và sự nghiệp ông Nguyễn-Thành, biệt hiệu Tiểu-La, một lãnh tụ cách mạng ở Quảng-Nam.

4.— **Tái-Sinh truyện** nội dung là câu chuyện của một Cán bộ cách mạng, ông Bùi-Chính-Lộ, bị Pháp bắt giam tại nhà lao Vinh. Năm ấy nhân bệnh dịch tả, ông uống « Ba đậu » (1) vào, giả làm mắc bệnh tả để vượt ngục (xem phần phụ lục).

(1) Là một vị thuốc bắc mà nếu người ta uống vào nhiều thì sẽ đi tả như mắc bệnh dịch tả.

5.— **Nhân đạo hồn** nội dung nói rõ tình thần mãnh lực và tất thắng của những ai biết tôn trọng nhân đạo, và thất bại của những người tàn bạo vô nhân đạo.

6.— **Hà-Thành liệt-sĩ truyện**, nội dung tường thuật vụ khởi nghĩa bỏ thuốc độc cho Tây ở Hà-Nội được tổ chức như thế nào, nguyên nhân vì sao thất bại, những ai bị giết hoặc bị tù đầy...

7.— **Bình-Tây kiến quốc hịch**, một bài hịch kêu gọi toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy làm cách mạng, đánh đổ Đế quốc Pháp, kiến thiết một nước Việt-Nam Cộng-Hòa, theo chính thể Dân-chủ.

Năm 1923, sau khi cụ Phan ra khỏi nhà tù ở Quảng-Đông, cụ vẫn tiếp tục hoạt động cách mạng, và sau Âu chiến kết liễu, thực dân Pháp lại tăng sưu-thuế-cho nhân dân Đông-Dương để đền bù vào nền kinh tế của chính quốc đang bị kiệt quệ. Do đó, nhân dân Việt-Nam càng công phẫn, cũng vì thế mà khí thế cách mạng Việt-Nam lúc bấy giờ lại có cơ bùng nổ. Để cung ứng cho việc tuyên truyền cổ động cách mạng, lúc này ở Tàu có xuất bản những cuốn sách sau đây :

1.— **Dư cữu niên lai sở trì chí chủ nghĩa :**

(Đường lối chính trị mà tôi đã chủ trì chín năm nay).

2.— Y-hồn đơn : nội dung là một bài thuốc chữa « hồn nước » trong cơn mê.

3.— Thiên hồ để hồ : nghĩa là trời ơi đất ơi ! Cái tên sách thì như thế, nhưng nội dung thì có hai phần :

a) Phần thứ nhất nói về chính sách Pháp cai trị Đông-Dương với những thủ đoạn sâu độc :

Lợi dụng tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân.

Dùng pháp luật, binh lính, nhà lao, tòa án để khủng bố nhân dân Việt-Nam không dám nổi dậy làm cách mạng.

Dùng giáo dục để làm công cụ cho chính sách ngu dân.

b) Phần thứ hai :

Kinh cáo quốc nội thanh niên học sinh.

Lời hiệu triệu ba vạn đồng bào ở Xiêm.

Bức thư của đoàn thể cách mạng Việt-Nam ở hải ngoại gửi cho chính phủ Hoàng-gia (bằng chữ Xiêm).

Ngày 19-6-1924, Phạm Liệt-sĩ Hồng-Thái ném bom ám sát Toàn quyền Merlin ở Sa-

Diễn, làm chấn động dư luận hoàn cầu, do đó phong trào cách mạng Việt-Nam lúc này rất sôi nổi.

Đề cung ứng cho phong trào ấy, ở Tàu cụ Phan và đảng cách mạng có xuất bản những văn kiện sau đây :

1.— **Phạm Liệt-sĩ Hồng-Thái truyện**, cụ Phan viết bằng chữ Hán. Anh em dịch ra quốc ngữ, bí mật lưu hành khắp trong nước.

2.— **Bài tuyên ngôn của Việt-Nam Quốc-Dân Đảng ở hải ngoại về việc bom ở Sa-Diễn :**

a) *Thanh minh cùng nhân dân thế giới.*

b) *Cảnh cáo thực dân Pháp.*

c) *Kêu gọi toàn quốc đồng bào nổi chí Phạm Liệt-sĩ Hồng-Thái đấu tranh để giải phóng dân tộc.*

Cụ Đặng-Tử-Kinh ở Thái-Lan cũng làm một bài « **Kính dâng hương hồn Phạm Liệt Sĩ Hồng Thái** » được phổ biến bí mật khắp trong và ngoài nước. (xem phần phụ lục)



Qua năm 1925 cụ Phan-Sào-Nam bị bắt về nước, bị thực dân Pháp mang ra Hội-đồng đề-hình. Phong trào đòi ân xá Phan-Sào-Nam năm 1925 cộng với phong trào lễ truy điệu cụ Phan-Chu-Trinh năm 1926 thành một cao

trào cách mạng Việt-Nam lúc này dâng lên như vũ bão. Từ đó các chính đảng cách mạng được bí mật thành lập khắp trong và ngoài nước.

Bên cạnh đấu tranh chính trị, các báo chí, các văn nghệ phẩm hoặc bí mật, hoặc đội lốt công khai được phát hành khắp đó đây như ở Pháp, ở Tàu, ở Xiêm và trong nước, mà chúng tôi xin lược tự ra sau.

CHƯƠNG IV

BÁO-CHÍ

(Báo bí mật, báo công khai, báo xuất bản ở hải ngoại và quốc nội)

Như bài trên đã nói, giòng lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc của Việt-Nam, bộ phận báo chí, anh chị em văn nghệ sĩ đã đóng góp một phần rất là xứng đáng.

Nhưng nói tới vấn đề báo chí ở Việt-Nam thời Pháp thuộc thì thật phức tạp. Có những trường hợp :

- *Giặc Nam phong* • khéo bất bình,
- *Bùng con mắt dậy thấy mình Thượng-thơ* •

Lại cũng có những trường hợp :

- *Bất ông, ông có tội tình chi ?*
- *Viết báo ông can đạo luật gì ?*

Hay là :

- *Biết bao giờ là bây giờ !*
- *Cảnh ấy tình này đã biết chưa ?*
- *Tớ bị ở tù, cô đóng cửa !*
- *Giang san như thế đã buồn chưa ?*

Cụ Ngô-Đức-Kế nói : « Dân mất nước làm báo mà còn muốn giữ chút lương tâm, thường khi cũng nguy hiểm như làm giặc ».

Thiệt vậy : Nguyễn - An - Ninh đánh « **Chung Rẻ** » rồi đi đày và chết ở Cồn-Lôn. Diệp - Văn - Kỳ đánh Chuông sáng « **Thần Chuông** » rồi một gông ở Khám Lớn Saigon.

Vì những sự khó khăn đó nên nói tới vấn đề báo chí, tưởng chúng ta cần phải phân loại ra cho dễ nhận thấy :

A,— Những tác phẩm và báo chí xuất bản ở ngoại quốc.

a) Nước Pháp.

1.— Tập **Nguyễn vọng của dân tộc Việt-Nam**.

Sau trận đại chiến lần thứ nhất 1914-18 kết liễu, Tổng-thống Hoa-Kỳ là Wilson, đề xướng lên thuyết dân tộc tự quyết. Dựa vào thuyết ấy, nhóm VIỆT-NAM ĐỘC-LẬP ở Ba-Lê, gồm các ông Phan-Chu-Trinh, Phan-Văn-Trường và một số khác mới thảo ra tập **Nguyễn vọng của dân tộc Việt-Nam**, đệ trình Tổng-Thống Mỹ, Anh-hoàng và Thủ-tướng Pháp Clémenceau, đòi Pháp trả lại quyền độc lập cho Việt-Nam. Nhưng không đem lại một kết quả nào !



Chân dung Mai-Sơn NGUYỄN-THƯỢNG-HIỀN

Người có nhiều văn phẩm cách mạng ở hải ngoại Tác giả «Viễn hải quy hồng» và «Tang hải lệ đàm» ở Nhật-Bồn.

2.— Vụ án chính sách thực dân Pháp (procès de la colonisation française) của mấy ông trên ; tập sách này gây ảnh hưởng lớn trong dư luận Pháp.

3.— Năm 1922 lại cũng do mấy ông có tên trên, xuất bản tại Ba-Lê một tờ báo chữ Pháp gọi là **Le Paria** (người cùng khổ), một tờ tiếng Việt gọi là **Việt-Nam hồn** và xuất bản cuốn sách bằng tiếng Pháp gọi là **L'Union intercoloniale des gens de couleurs hostiles à la France** (Liên hiệp mọi dân tộc thuộc địa bài Pháp)

4.— Báo **Tribune annamite** của Nguyễn-Phủ-Khai xuất bản ở Ba-Lê.

b) Ở Tàu.

Những tờ báo chủ trương dân tộc giải phóng.

1.— Tờ **Thanh Niên** xuất bản ở Quảng-Châu, thị xã tỉnh Quảng Đông (Tàu), cơ quan tuyên truyền cổ động cách mạng của **VIỆT-NAM CÁCH MẠNG THANH NIÊN**, ra số đầu vào tháng 2 năm 1926, mãi tới cuối năm 1928 mới đình bản. Tờ Thanh-Niên được bí mật lưu hành về trong nước nhiều.

2.— Báo **Quân Nhân** của nhóm sinh viên Việt-Nam ở trường võ bị Hoàng-Phổ, nội

đúng cốt tuyền truyền cổ động cách mạng vào trong binh lính Pháp.

3.— Tập san « **Ngọn Đuốc** » có tính chất nội san của Việt-Nam Cách-Mạng Thanh-Niên Đồng-Chí; giáo dục cho hội viên biết qua các chủ nghĩa, các chính thể, các triết gia trên thế giới, nói tóm lại huấn luyện hội viên học hỏi thường thức chính trị.

C.—Ở THÁI LAN

1.— Ở Ban-Đông, thuộc tỉnh (Phi Chit) có báo **Đồng-Thanh**. Nơi này xưa kia có cụ Phan-Sào-Nam sáng lập, khi cụ Phan qua Tàu (1912) thì cụ Đặng-Thúc-Hứa thay thế điều khiển. Tờ báo Đồng-Thanh, cụ Đặng-Thúc-Hứa làm chủ-nhiệm, xuất bản vào năm 1927, mãi tới năm 1930 mới thôi.

2.— Ở ban Noong-Bua, tỉnh Ou-Don có tờ **Thân-ái** của Việt-kiều ở đấy xuất bản.

3.— Ở Vặt-Xu-Măng thuộc tỉnh Sa-Khon có tờ **Đại-chúng** của Việt-kiều ở đấy xuất bản.

4.— Ở Băn-May thuộc tỉnh La-Khon đối diện Mê-Kông với Tha-Khét (Lào) có tờ **Tiếng Chuông**.

Những tờ báo ở Tàu và ở Thái-Lan đều được mang về nước bí mật tuyên truyền cách mạng.

B.— QUỐC NỘI.

a) Những tờ báo bí mật có chủ trương cách mạng quốc gia.

1.— Báo **Sóng cách mạng** của **TÂN VIỆT CÁCH MẠNG ĐẢNG** xuất bản ở Trung-Kỳ vào năm 1927. Đảng Tân-Việt còn xuất bản nhiều thi ca, để cổ động tuyên truyền cách mạng (xem phần phụ lục)

2.— Tạp chí **Nam Thanh** của Nguyễn-Thái-Học.

3.— Báo **Hồn cách mạng** của tổng bộ **VIỆT-NAM QUỐC DÂN ĐẢNG**, tòa soạn ở đường Sơn-Tây (Hà-nội) do Nguyễn-Thái-Học, Nhượng-Tống, Đoàn-Trần-Nghiệp phụ trách.

Lúc này Việt-Nam Quốc-dân-đảng còn xuất bản nhiều thứ sách, như « **Cách mạng tiên thanh** », « **Những câu chuyện chung** », gây ảnh hưởng lớn.

b) Những tờ báo đội lốt công khai, có chủ trương quốc gia.

1.— Báo **Cloche féléé** (Chuông rè) của Nguyễn-An-Ninh xuất bản ở Sài-Gòn.

2.— Báo **Tiếng-Dân** của Huỳnh-Thúc-Kháng, xuất bản ở Huế.

3.— Báo **An-Nam** do Phan-Văn-Trường chủ trương xuất bản ở Sài-Gòn.

4.— Báo **Echo annamite** của Nguyễn-Phan Long.

5.— Báo **Tribune Indigène** của nhóm Nguyễn-Phú-Khai và Bùi-Quang-Chiêu.

6.— Báo **La jeune Indochine** do Vũ-Đình-Dy và Bùi-Ngọc-Ái ở Sài-Gòn.

7.— Báo **Le nhà quê** do Nguyễn-Khánh-Toàn chủ trương.

8.— Báo **Tân-thế - kỷ** của Bửu-Đình và Đồng-Sĩ-Bình ở Hà-Nội.

9.— Tờ **Hữu - Thanh** do Nguyễn-Khắc-Hiếu chủ trương xuất bản ở Hà-Nội, trước là một tờ báo có tính chất văn học, sau giao lại cho cụ Ngô-Đức-Kế thì biến thành tờ báo vận động chính trị.

10.— Báo **L'Union Indochinoise** (Đông-dương-liên-hiệp) bằng Pháp văn, do Vũ-Đình-Dy, Bùi-Ngọc-Ái, Nguyễn-Đắc-Lộc tức Lộc-Già và Mai-Ngọc-Thiệu, xuất bản tại Hà-Nội, rất được dư luận Việt Pháp chú ý.

11.— Báo **Thần chung** của Diệp-Văn-Kỳ xuất bản tại Sài-Gòn.

12.— Báo **La lutte** của Tạ-Thu-Thâu, Trần-Văn-Thạch, Phan-Văn-Hùm, Phan-Văn-Chánh xuất bản ở Sài-Gòn; có lần bị cấm hoặc vì tài chánh kiệt quệ nhưng rồi lại tục bản kéo dài đến cuối năm 1939.

13.— Báo **Tương Lai** do Mai-Ngọc-Thiệu, Vũ-Đình-Huỳnh, Nguyễn-Đăng-Thục, Vũ-Đình-Dy chủ trương tại Hà-Nội.

14.— Báo **Le militant** của nhóm chiến sĩ H.H.T. ở Sài-Gòn.

c) Những tờ báo sau đây có xu hướng Cộng Sản.

1.— Báo **Le Travail** do Nguyễn-Văn-Tiến, Trịnh-Văn-Phú, Nguyễn-Duy-Dực, Huỳnh-Văn-Phương, Đặng-Thái-Mai, Nguyễn-Đức-Chính, Nguyễn-Đức-Kinh, Mai-Ngọc-Thiệu, Trần-Đình-Long, Vũ-Liên, Nguyễn-Công-Truyền Và Nguyễn-Đệ v.v... xuất bản ở Hà-Nội.

2.— Báo **Việt-Nam** của Nguyễn-Phan-Long ở Sài-Gòn.

3.— Báo **Nhàn Lúa** của Nguyễn-Khoa-Văn xuất bản ở Huế.

4.— Báo **Hồn Trẻ** do Nguyễn-Uyển-Diễm chủ trương.

5.— Báo **Hà-Thành thời báo** do Nguyễn-Đức-Kính và T.H.L. chủ trương và xuất bản ở Hà-Nội.

6.— Báo **Kiến-Văn** do Nghiêm-Thượng-Văn, Nguyễn-Thượng-Nghi, Mai-Ngọc-Thiệu, T.H.L. chủ trương.

7.— Báo **Tin Tức** và **Thời Thế** bằng tiếng Việt, và những báo **En Avant**, **Rassemblement** và **L'Avant garde** bằng tiếng Pháp do nhóm Đ.X.K., H.B.C., Đ.T.M., V.N.G. xuất bản ngay ở Hà-Nội.

8.— **Cờ giải phóng** là báo Cộng-Sản xuất bản công khai năm 1945 tại Hà-Nội.



Năm 1940, sau ngày Pháp bị đánh bại, ở Đông-Dương quân đội Nhật tràn vào, một cao trào cách mạng Việt-Nam lúc này lên mạnh.

Nhất là sau ngày 9-3-1945, Nhật hất Pháp ở Đông-Dương. Để cung ứng kịp thời cho phong trào ấy, những đảng phái chính trị kế tiếp nhau thành lập, đồng thời những tờ báo

có tính chất cách mạng quốc gia sau này được xuất hiện :

1.— Báo **Kèn gọi quân** của Trần-Trung-Lập xuất bản ở Lạng-Son.

2.— Báo **Kèn gọi lính** của Hoàng-Văn-Thụ xuất bản tại vùng Việt-Bắc.

3.— Báo **Chấn-Hưng** xuất bản ở Quy-Nhon (Trung-Việt) do nhóm Trần-Cánh-Hảo, Lê-Ấm, Hà-Huy-Liêm chủ trương, do ông Nguyễn-Thịnh làm chủ bút, xuất bản được bốn số, thì bị Phát-xít Nhật đóng cửa.

4.— **Khuyến cáo quốc dân ca** của PHỤC-QUỐC ĐỒNG-MINH HỘI do nhà lãnh tụ Kỳ-Ngoại-Hầu Cường-Đề, gửi từ hải ngoại về (xin xem phần phụ lục sau).

5.— Báo **Tự-Trị** của sinh viên Đại-học Hà-Nội, dưới quyền chỉ đạo của VIỆT-NAM QUỐC DÂN ĐẢNG.

6.— Báo **Việt-Nam**, cơ quan ngôn luận hỗn hợp của VIỆT-NAM QUỐC-DÂN-ĐẢNG và VIỆT-NAM CÁCH-MẠNG ĐỒNG-MINH HỘI xuất bản tại Hà-Nội vào năm 1945-1946.

Qua 10 năm khói lửa, dân tộc Việt-Nam đã hy sinh rất nhiều về cả toàn diện, tới nay đất nước đang bị chia xé, nhiệm vụ thống nhất đất nước đang đòi hỏi sự góp sức của chúng ta — những anh chị em cầm bút — !



Chân dung Minh viên HUỲNH-THÚC-KHÁNG

Chủ trương tờ báo Tiếng-Dân ở Huế.

Phần Phụ lục

BÀI CA Á-TẾ-Á

Tác giả bài này là cụ Nguyễn-Thiện-Thuật. Cụ sáng tác khi xuất dương qua Tàu.

Nội dung : đoạn đầu tiên nói về Á-Châu là một châu đất rộng người nhiều, sản vật phong phú, lý ưng phải đứng đầu năm châu.

Đoạn thứ hai nêu rõ nước Nhật-Bản đã nhờ « duy-tân » mà văn-minh theo kịp Âu-Mỹ, là nước đáng cho Việt-Nam bắt chước.

Đoạn thứ ba : kể rõ nỗi áp bức bóc lột của thực dân Pháp, mà nhân dân Việt-Nam phải chịu.

Cuối cùng tác giả hô hào đồng bào đoàn kết làm cách mạng.



Á Tế-Á năm châu là bậc nhất
 Người nhiều hơn mà đất rộng hơn,
 Cuộc đời mở hội dinh hoàn
 Anh hùng bốn bề giang san một nhà
 Găm từ thuở Âu-La tiếm đất

Vượt trùng dương qua Nhật, Triều-Tiên
 Tiềm-La, Diến-Điện gần liền
 Cao-Miên, Chân-Lạp thông miền Ai-Lao,
 Thịt một miếng trăm dao xâu xé
 Chiếc kim khâu đã mẻ khôn lành
 Tỏi tở Pháp, ruồi muỗi Anh !
 Nén hơi đại Đức, chịu đòn cường Nga
 Gương Ấn-Độ chẳng xa đâu đó
 Chẳng máu đào cũng họ da vàng.
 « Mênh mông một giải Đông-Dương
 « Nước non nô lệ tròng càng thêm đau.

“
 “
 “
 “

Ngồi mà nghĩ thêm sầu thêm tủi
 Nước Nam mình gặp buổi truân chuyên,
 Đã man quen thói ngu hèn
 Biết chi nước mất nòi tan nổi này
 Từ Pháp-lan thẳng tay đô hộ
 Dày xéo lên mồ mả ông cha
 Giống nòi tủi nhục xót xa
 Vua là tượng gỗ, dân là thân trâu
 Việc giầy thép, việc tàu, việc pháo
 Việc canh nông, việc giáo học đường.
 Việc kỹ nghệ việc nông thương
 Việc khai các mỏ, lập đường hỏa xa.
 Giữ các việc chẳng qua người Pháp
 Người Việt-Nam bồi đắp cu-li !
 Thông ngôn, ký lục chi chi

Măn đòi linh tấp, trọn vì quan sang.
 Các hạng thuế Pháp càng tăng mãi
 Thuế đinh điền rồi lại thuế bò
 Thuế chó cũi, thuế lợn bò
 Thuế muối, thuế rượu, thuế dò, thuế xe
 Thuế tất cả, trà, cau, chè, thuốc
 Thuế mòn bài, thuế nước, thuế đèn
 Thuế nhà cửa, thuế chùa đền
 Thuế rừng tre, gỗ, thuế thuyền bán
 buôn.

Thuế dầu mật, thuế sơn các chỗ.
 Thuế gạo rau, thuế đồ, thuế bông
 Thuế tơ, thuế sắt, thuế đồng
 Thuế chim, thuế cá, khắp trong ba kỳ
 Nhiều hạng thuế kẻ chi cho xiết.
 Thuế « phát xia » thôi việc lạ lùng
 Nói ra luống những đau lòng
 Cha con khổ nhục, vợ chồng lìa tan
 Cũng có lúc bầm gan tím ruột
 Rạch trời kêu mà tuốt gươm ra
 Cũng xương, cũng thịt, cũng da!
 Cũng dòng máu đỏ của nhà Lạc-Long.
 Thế mà chịu trong vòng trời buột
 Mấy mươi năm nhơ nhục lắm than
 Than ôi! Bách-Việt giang san
 Thông minh đã sẵn, khôn ngoan có thừa
 Hồn mê mẩn tỉnh chưa? chưa tỉnh!
 Anh em mình phải tỉnh sao đây?
 Nhật là bạn, Pháp là thầy.
 Trí khôn phải học, điều hay phải tìm,

Việc tân học kịp đem sang trước,
Hội dân đoàn cả nước với nhau.
Sự buôn ta lấy làm đầu,
Mọi nghề cùng ghé, đội cầu một vai
Bây giờ kẻ còn dài chưa xiết
Chữ tự do xin kết một lòng
Gương Nhật-Bổn đất Á-Đông
Giống ta, ta cũng soi chung kẻ mà
Đường học thức dần dà mở rộng
Nước Lang-Sa rồi cũng nể nang
Có khi Âu-Á chưa hùng
Thay phùng nô lệ, làm phùng văn minh
Kìa thuở trước như Anh, Pháp, Đức
Cũng chẳng qua cùng cực thời thông
Họa may trời có chiều lòng
Việt-Nam đứng vững phương Đông một
mình

Thần phiêu bạt đã đành vô lại
Bấy nhiêu năm Thương-Hải, Hoành-Tân
Liêu-Đông nhân lúc tùy quân
Tủi thân bôn bá theo chân khải hoàn
Bưng chén rượu ân ban hạ tiệc
Gạt hàng châu khép nép quý tâu
Trời Nam mờ mịt ngàn dâu
Gió thu như thổi cơn sầu năm canh
Biết bao nỗi bất bình khôn giải
Mượn bút thoa mà gởi quốc âm
Thân lươn bao quản cát lằm
Khuyên ai dốc chữ đồng tâm sau này

ÁI CHỦNG CA

(do Việt-Nam Quang-Phục-Hội phát hành.
Phan-Sào-Nam sáng tác tại Thái-Lan)

Giống ta ta phải yêu nhau !
Đưa lời ái chủng mấy câu giải lòng
Hai mươi triệu họ đồng tông
Da vàng máu đỏ cộn giòng Hùng-Vương
Mấy ngàn năm cội Viêm-bang
Đưa khòn hoa Hán, mở đường vầu mình
Tài anh kiệt nổi đời sinh
Đánh Nguyên mấy lớp ; phá Minh mấy lần
Mở mang Chân Lạp, Chiêm-Thành
Miền Nam lừng lẫy giống thần mở mang
Tiếc thay giống tốt nòi sang
Vi sao sa sút cho mang tiếng hèn
Xưa sao đứng chủ cầm quyền
Giờ sao nhân nhục chịu hèn làm tôi
Xem Tây như thánh như trời
Người Nam ta chịu dưới nơi a-tỳ
Giang sơn then với tu my
Đá kia cũng xót, sông kia cũng sầu !
Nào anh em chị em đâu !
Kết đoàn ta phải bảo nhau thế nào ?
Chữ rằng đồng chủng đồng bào
Yêu nhau ta phải tinh làm sao đây !
Muốn cho nội ngoại giao phù
Sáu-mươi-lăm tỉnh cũng như một nhà

Muốn cho Nam Bắc hợp hòa
 Hai mươi lăm triệu cũng như một người
 Đừng cậy thế, đừng khoe tài
 Bỏ điều riêng nhỏ, tính điều lợi chung.
 Chớ giành khí, chớ khoe công,
 Dứt tình ghen ghét bỏ lòng xai nghi
 Ai ơi xin sửa mình đi
 Công tư đức ấy hai bề vẹn hai
 Những điều hại nước tan nòi
 Rước voi cồng rắn thì thôi xin chừa
 Một mai thời thế chuyển cơ
 Anh em ta lại như xưa sum vầy
 Họ hàng đông đủ cánh vầy
 Chen vai, ưu thắng ra tay cạnh tồn.

ÁI QUỐC CA

(Do Việt-Nam Quang-Phục Hội phát hành, Phan-
 Sào-Nam sáng tác bằng chữ Hán tại Thái-Lan,
 nhà chí sĩ Lê-Đại dịch ra Việt văn

Nay ta hát một câu ái quốc
 Yêu vì hơn yêu nước nhà ta
 Nghiêm trang bốn mặt sơn hà
 Ông cha ta để cho ta lọ vàng
 Trái mấy lớp tiền vương dựng mở
 Bốn ngàn năm giải gió dầm mưa
 Biết bao công của người xưa

Gang sông tắc núi dạ đưa ruột tằm
Hào Đại hải ầm ầm trước mắt
Giải Cứu Long quanh quất miền tây
Một tòa san sát xinh thay
Bắc kia Vân, Quảng, Nam này Côn Lôn
Về gấm vóc nước non thêm đẹp
Chắc những mong cơ nghiệp dài lâu
Giống khôn há phải đàn trâu
Giang sơn nở đê người đầu vẫy vùng
Hăm-lăm triệu người cùng của hết
Sáu mươi năm nước mất quyền không
Thương ôi công nghiệp tổ tông
Nước tanh máu chảy non chồng thịt cao
Non nước ấy biết bao máu mủ
Nữ nào đem nuôi lũ sài lang
Cờ ba sắc xứ Đông-Dương
Trông càng thêm nhục nói càng thêm đau
Nhục vì nước mà đau người trước
Nông nổi này non nước cũng oan
Hồn ôi về với giang san
Muôn người muôn tiếng hát vang cầu này
Hợp muôn sức ra tay quang phục ;
Quyết phen này rửa nhục báo thù
Một câu ái quốc reo hò
Xin người trong nước phải cho một lòng

KÍNH DÂNG HƯƠNG HỒN PHẠM LIỆT-SĨ HỒNG-THÁI

Của cụ Đặng-Tử-Kính, một nhà nguyên lão cách mạng, bạn đồng chí với cụ Phan-Sào-Nam. Năm 1905 qua Nhật, đến 1909 về Xiêm, năm 1928 mệnh chung ở tỉnh Phi Chít (Xiêm). Bài này cụ làm nhân ngày lễ truy điệu Phạm Liệt-Sĩ Hồng-Thái.

Nước Việt-Nam bốn ngàn năm lễ
 Bảy mươi năm đáo đê lằm than
 Mịt mù một áng khí oan
 Sông sôi máu chảy non chan lệ sầu
 Hồn liệt sĩ ù ù gió quạt
 Dạ anh hùng tím ngắt lá gan
 Nhớ xưa người ở Nghệ-An
 Là Phạm-Hồng-Thái cả gan anh hùng
 Thẹn vì nước mắc vòng tội tở
 Giận Mặc-Lanh (Merlin) là đứu gian hùng
 Ra tay một tiếng sấm vang
 Năm châu dậy đất Mặc-Lanh di dờ
 Tám giờ tối tàu binh ghé lại
 Hấn lần lên Sa-Điện rong chơi
 Bảy giờ cơ đã tới nơi
 Lòng người có chí thì thời cũng bênh
 Ông khi ấy một mình len lỏi
 Một chiếc thuyền theo dõi bờ sông

Toàn quyền Đông-Pháp Mặc-Lanh
Hắn lèn xe điện thẳng dong cửa hàng
Thành Sa-Diện phố phường đón rước
Mời vào nhà thết tiệc hoan nghênh
Ông vào thám thính phân minh
Lại gần chủ lĩnh đang canh nạt đồn.
Tám giờ tối bàn hoàn chưa định
Việc gấp rồi phải tính mau mau
Khen người kế hoạt mưu cao
Tốc ngay cửa sổ ném vào một khi
Người trong tiệc còn chi đâu nữa
Chúng kinh hoàng hồn rữa phách tan
Tây kia mới hết khoe khoang
Xương tan xác pháo thịt tan bụi hồng
Chốn Sa-Diện một vùng tối mịt
Thuyền Châu Giang trăm chiếc đón đưa
Hy sinh cứu nước bây giờ
Hồn thiêng cao phất ngọn cờ tự do
« Anh hùng vị quốc quyền khu »
Sông Châu Giang ấy nghìn thu lưu truyền.

VỢ KHUYẾN CHỒNG

(Hong Lam ca điệu)

Của cụ Giải-nguyên Lê-Văn-Huân, lãnh tụ TÂN-VIỆT CÁCH-MẠNG-ĐẢNG sáng tác bài này với mục đích cổ động thanh niên xuất dương làm cách mạng. Muốn có tác dụng

manh hơn, tác giả dùng lời một người vợ
khuyên chồng :

Chàng ôi chàng !
Thiếp xin chàng ngồi lại !
Thiếp bàn giải đôi lời !
Hơn sáu bảy mươi năm trời
Đem thân làm nô lệ
Cúi đầu làm nô lệ



Nỗi đắng cay xiết kẻ
Nói ra những thêm sầu
Chữ nhân sĩ sự thù
Sao mà anh chịu được ?
Sao mà chàng chịu được ?



Nước vơi nỗi tan tác
Nhà cũng chẳng còn đâu
Sao không liệu mau mau
Đề tìm phương cứu lại
Đề tìm đường cứu lại



Thiếp tôi tuy rằng gái
Thấy vậy cũng sầu bi
Chàng nam tử tu mi
Tại làm sao không biết ?
Tại thế nào không biết ?



Chỉ ham điều hoa nguyệt
Chỉ chè rượu bạc cờ
Chỉ hờ hững ngẩn ngơ
Chịu làm dân mất nước
Chịu làm người mất nước



Thử xem kia ! sau trước !
Nợ các nước lân bang
Bọn nam tử đường đường
Làm cho nước thịnh cường
Sử xanh còn chép đề
Bia vàng còn tạc đề



Chàng con nhà thi lễ
Vốn nòi giống Lạc Hồng
Sao ngồi chịu trong vòng
Cho quân Tây đầy dọa
Cho quân thù đầy dọa



Xin từ nay tạc đá
Lấy cách mạng cơ quan
Cốt tổ chức kết đoàn
Làm sao cho nghiêm nhặt
Làm thế nào cho nghiêm nhặt



Còn như việc gia thất
 Đã có thiếp lo rồi
 Đường đi ngược về xuôi
 Mặc sức anh vùng vẫy
 Mặc sức chàng vùng vẫy



Chàng làm sao cho dân được cày
 Cho non nước được thái bình
 Dù thác cũng cam tình
 Thiếp không phản nản chi nữa
 Thiếp không dám phản nản chi nữa.



Những lời vàng đá !
 Thiếp ngỏ lại ân cần
 Chàng ơi ! « Vị quốc vong thân »

HOÁN TÌNH QUỐC DÂN

(Bài này đăng tải trên báo "Thanh Niên"
 xuất bản ở Tàu năm 1927)

Nước Nam ta từ ngày Pháp lấy
 Kể năm đã sáu bảy mươi rồi
 Thương ôi, dân bẽ biển đời !
 Non sông nước vực chông gai đầy đường
 Nay xin kể rõ ràng sau trước
 Để cho người trong nước đều coi
 Pháp kia hiểm độc thì thôi
 Bày mưu thiết kế giết nòi giống ta

Thuốc a-phiến ấy là rất độc
Mắc nghiện vào thịt róc xương mòn
VẬY nên các nước dinh hoàn
Nước nào cũng cấm ai còn dùng đầu !
Thế mà Pháp hiềm sâu khôn xiết
Cho dân ta hút biết bao nhiêu
Thương ôi hút thuốc càng nhiều
Dân ta tài lực tiêu hao lại càng
Nó lại chế rượu còn rất độc
Lập công ty nấu đúc làm ra
Men pha pha chế cho già
Kề trong độc chất, cũng là lả thay
Thế mà nó ngày ngày bắt uống
Cứ mỗi làng đóng xuống bao nhiêu
Thương ôi rượu uống càng nhiều
Giống nòi sinh dục tiêu hao trăm đường
Nó đánh đủ trăm đường thuế má
Rút dân ta bát mẻ không còn
Dân ta tiền mất của mòn
Mồ hôi nước mắt chẳng còn chút chi
Lại bắt phu chở đi ngoại quốc
Mấy ai đi mà đã được về
Chân trời góc bể lưu ly
Nồi than sống sót biết gì được đầu
Thế là Pháp hiềm sâu bạc ác
Mà người mình ngơ ngác chưa khôn
Tưởng rằng Pháp hẵn làm ơn
Biết đầu là hẵn đã tham lẫn tàn



Có kẻ nói nước mình từ trước
Trải bao phen mưu chước đánh Tây
Duy-Tân, Đề-Thám mấy tay
Hà-Thành đầu độc, Trung-Kỳ kháng sưu
Rút dưng lại chỉ điều thất bại
Một mình tôi chống lại được sao
Nói ra sao chẳng nghĩ vào ?
Vì sao thất bại vì sao chưa thành
Vì chưa biết họp thành tổ chức
Vì không ai gắng sức tuyên truyền
Vì chưa đoàn kết hoàn toàn
Vì chưa lấy chữ dân quyền dựng nên
Chỉ nghĩ rằng bọt bèo thân ốc
Mang được đâu cái gộc rêu kia
Ấu là nhắm mắt ngoảnh đi
Giang san chìm nổi mặc gì đến ta
Ấy là chẳng bằng loài chim cá
Trách gì đâu người dọa người khinh
Nền hư thì cũng tại mình
Muốn hèn thì chớ, muốn vinh thì làm
Mình cũng là Việt Nam phần tử
Phải ra tay gìn giữ giống nòi
Phải làm cho thế gian coi
Phải cho thiên hạ biết nòi Lạc Long
Phải ra sức gắng lòng yêu nước
Phải đem mình đi trước anh em
Phải làm cho quốc dân xem
Phải gan tranh đấu, phải kiên tập rèn

Phải biết lẽ người hèn vì độc (1)
 Phải cùng nhau kết sức hội hè
 Đến khi mạnh cánh lớn bè
 Tây kia bạo ngược cũng e người mình
 Mình mà biết hy sinh bảo quốc
 Giống nòi mình sẽ được về vang
 Mình mà nhút nhát trăm đường
 Giống nòi mình chắc tan hoang có ngày
 Mình có đại thì Tây mới lấy
 Khi mình khôn hăn phải trả mình
 Ai ơi nghĩ lại cho rành
 Nước mà đã mất thì mình còn đâu
 Nôm na chấp vá và câu
 Khuyên người trong nước mau mau kết
 đoàn

CÙNG NGƯỜI DÂN NGHÈO

(của Tân-Việt Cách Mạng Đảng)

Tác giả cụ : LÊ-VĂN-HUÂN

Hỏi những kẻ dân ta nghèo đói
 Có biết rằng nông nổi vì ai !
 Cả năm dòn gánh dè vai
 Mồ hôi nước mắt không tài kiếm ra
 Kia lĩnh vé các tòa các sở
 Nào nộp tiền các chợ, các ty
 Mấy lần thuế lại thuế đi

(1) có lẽ là cô độc

Tính cho đủ thuế còn gì mà ăn
 Con với vợ mặt nhăn vì đói
 Mà Tây thì cứ trói lấy tiền
 Cự thay sưu nặng thuế phiền.
 Róc cho đến chết lợi quyền chưa tha
 Minh cá thịt, Tây là dao thớt
 Sống làm sao cho thoát tay người
 Than ôi ! sống một kiếp người !
 Thà rằng chết quách cái đời buồn nhớ...
 Liệu đứng dậy mở cờ cách mạng
 Thoát khỏi vòng nô lệ bấy nay
 May ra sống được là hay
 Chẳng may thác cũng là tay anh hùng
 Một cái thác lòng Hồng núi Thái
 Tính đời đường phải trái mà theo
 Hơn hai mươi triệu đồng bào
 Trên đường cách mạng ào ào tiến lên
 Nước nhà cơ nghiệp vẹn tuyền
 Việt Nam ta giữ lợi quyền của ta
 Mấy lời thuận miệng ngậm nga
 Ai ôi xin nhớ bài ca hợp đoàn.

CÙNG NGƯỜI DÂN CÀY

(Bài này của Tân Việt
 Cách Mạng Đảng)

Tác giả : LÊ-VĂN-HUÂN

Thương thay những kẻ dân cày
 Da đen mặt xám ngày ngày gian lao

Gà vừa gáy ồn ào thức dậy
Cơm chưa xong đã chạy vác cà
Cày cày cuốc cuốc tối ngày
Lo nay cấy gặt, lo mai vun trồng
Mặc dầu nắng đốt mưa giông
Chân không bèn đất, tất không bèn giương
Càng khó nhọc lại càng cơ cực
Quanh cả năm cơm hầm cà chua
Khổ đã rách ba tua còn vá
Áo tôi bởi chẳng khá che da
Vì ai nên nổi thiết tha
Vì chưng sưu nặng thuế gia mấy lần
Pháp kia đã ép trăm phần
Mà phường quan lại, lại dần tận xương
Vợ con đói còn đương lẫn lóc
Sưu thuế kia còn róc tận xương
Lại thêm quốc trái công lương
Một năm mấy bận lệ thường chẳng tha
Khổ như thế thiết là khổ thiết
Anh em ơi đoàn kết lại nào ?
Vì bằng cứ mãi lia nhau
Thì nó ép mãi hết dầu chẳng tha
Đoàn kết rồi lấy lại nước ta
Nhà ta ta ở, ruộng ta ta cày
Tội gì chịu lụy thẳng Tây

CÙNG CÁC THẦY THÔNG KỸ

(Bài này đăng tải trên báo **Sóng cách mạng**
cơ quan của Tân-Việt Cách Mạng Đảng)

Tác giả cụ LÊ VĂN HUÂN

Khi còn bé hỏ chơ đi học
 Vào nhà trường miệng đọc A, B.
 Sớm khuya đèn hạnh sách lẻ
 Lam-Kiêu xe ngựa đi về mặc ai
 « Đích-tê » với mấy bài phép toán
 « Véc-bờ » kia cũng rần sức chia
 Ăn cần dậy sớm thức khuya
 Chỉ lo học tập biết gì ăn chơi
 Mấy năm trời xi-lô, xi-lốc
 Hạch đồ rồi ông đốc, ông thông
 Lương ăn bảy tám chục đồng
 Tưởng rằng vinh hiển bỏ công tập rèn
 Biết gì chuyện nòi hèn nước mất
 Xem ông Tây như Phật như Tiên
 Trong trường nhồi sọ đã quen
 Hễ khi mở miệng là khen Tây lành
 Gà què chạy loanh quanh cối thóc
 Thấy có ăn trăn trọc chun vào
 Biết chi đồng chủng đồng bào
 Biết chi thế giới phong trào là chi
 Kiếm được tiền đem đi vung phá
 Thấy việc hay cũng chẳng dám làm
 Minh dơ thời quân chi chằm
 Vả tai đá dít cũng cam chịu vầy

Không phải là các thầy thông kỹ
 Chẳng biết điều liêm sỉ hiếu trung
 Nếu như có kẻ nói cùng
 Chắc là sẽ động đến dòng lương tâm :
 Chúng tôi đã biết làm từ trước
 Rày về sau việc nước xin lo
 Nước nhà độc lập tự do
 Trước lo lý luận sau lo thực hành
 Để thoát khỏi cái vảnh nô lệ
 Người Nam ta trị lấy nước ta
 Ai ôi nghĩ lại kẻo mà
 Thông ngôn ký lục cũng « người Nam ».

SUM VẦY BỐ LÚC LƯU LY

Bài này đăng tải trên báo Đồng-Thanh, một tờ báo
 cách mạng ở Thái Lan : xuất bản năm 1927.

(Theo điệu ca trù)

Người một nước vốn cùng chung một
 giống
 Nỗi nhục vinh sống thác phải cùng nhau
 Bốn ngàn năm chung giọt máu đào
 Phải nước là chi đầu mà dềnh đoảng
 Sao ta lại lia tan chềnh mảng,
 Nghĩ nguồn cơn thêm cay đắng can trường
 Vận nước nhà biến cố tang thương
 Sao mình lại Sám Thương người một ngã
 Thơ rằng :

Trường thử bách niên cam thỏa mạ
 Bất tri hà nhật xuất lao lung (1)
 Hỏi ai ôi con Lạc cháu Hồng !
 Rời rạc mãi thù chung sao trả được !
 Thôi thôi ! thôi kẻo chi mấy mươi năm về
 trước
 Giải đồng tâm ta liên lạc tại từ đây !



Sum vầy bỏ lúc lưu ly.

NHỊP KÈN THÂN ÁI

Bài này đăng tải trên một tờ báo cách mạng ở Thái-Lan
 năm 1928. Tên báo là «Thân Ái» xuất bản ở
 Bọn Noong-Bua—tỉnh Oudonne

Đã là người đứng trong trời đất
 Ai là không tai mắt thông minh
 Có đâu óc biết nhục vinh
 Cuộc đời há dễ làm thính sao đành
 Việc thế giới bất bình lắm nổi
 Vận nước nhà chìm nổi đòi phen
 Người sang sao chịu ta hèn
 Người đua ta phải đua chen với người
 Bước tiến thủ lấy ai chỉ đạo
 Cờ tiên phong có báo đưa đường
 « Nhịp kèn thân ái » kêu vang

(1) Hai câu này có nghĩa là :

Đồng đặc trăm năm cam nhục nhỡ,
 Biết đến ngày nào thoát ngục gông.

Gọi người đang lúc canh trường chiêm
bao

Hỏi gần xa kiều bào năm vạn
Cánh bèo trôi, chiếc nhận lạc đàn
Lòng mình tự hỏi mình xem
Đêm khuya tờ báo ngọn đèn với ta
Đồng bào hỏi tỉnh chưa ? chưa tỉnh ?
Thù non sông ta tỉnh sao đây
Đoàn là bạn, báo là thầy
Được thua hơn thiệt tỉnh bày dạy nhau
Khuyên ai nấy mau mau tỉnh dậy
Nhớ lấy câu máu chảy ruột mềm
Lòng mình tự hỏi mình xem
Lắng tai nghe lấy nhịp kèn gọi ta.

NGOÀNH MẶT VỀ NAM

Bài cảm tác của cụ Hồ-học-Lam, một nhà cách mạng Việt-Nam trước ở Nhật, sau về Tàu sung chức «Dinh-trưởng» (quan Tư) trong bộ tham mưu của quân đội Dân-quốc Trung-hoa ở Bắc Kinh. Cụ cảm tác vì thời cuộc ở nước nhà qua những trận khùng bổ tàn sát của đế quốc Pháp vào những cuộc khởi nghĩa Yên-Báy và Nghệ-Tĩnh :



Thường khi ngoảnh mặt về Nam
Trông về cố quốc chạnh niềm gia sơn
Tưởng trong nước đang cơn khùng bổ

Đồng bào mình thân có ra chi
 Thịt dao cá thớt thòi thì
 Phen này mặc sức quân Tây chặt vằm
 Chốn ngục thất ngàn trăm oan khuất
 Thịt theo kèm da đứt với roi
 Côn Lôn, Lao-Bảo mấy người
 Chân rừng góc bể là nơi chết già
 Lại đến kẻ đem ra hành tội
 Giữa pháp trường một lưỡi gươm theo
 Thân bầy thước nhẹ bao nhiêu
 Hồn chiến sĩ, đạn bay vào cái xong !
 Nghĩ mình cũng đồng trong thanh khí
 Cũng đồng tâm, đồng chí với ai
 Cũng yêu giống, cũng thương nòi
 Cũng chèo non nước, cũng vai sơn hà
 Sao ai chịu muôn vàn cực khổ
 Mà thân ta lại được an toàn
 Thân này tạm được bình an
 Giám đầu yên hưởng mà sồn chí xưa

.

Làm sao có một lúc nào
 Thúc ran nhịp trống dương cao ngọn cờ
 Về đánh đổ Lang-sa đế quốc
 Đề trả thù rửa nhục anh cha
 Lưỡi gươm Tây đã giết ta
 Bây giờ ta lại quay mà giết Tây
 Lại giết luôn cả bầy tầu cầu
 Chịu cam tâm thờ lữ quốc cừu

Phá cách mạng, giết đồng bào
 Gây nên khủng bố phong trào ngày nay
 Mới hả dạ người nơi luy tiết
 Mới thỏa hờn ai chết trước mình
 Mới không phụ chí bình sinh
 Mới không uổng cái công trình xuất dương
 Nôm na chấp vá mấy hàng
 Xin người trong hội đoạn trường biết cho.

BÀI VĂN CỦA VIỆT-KIỀU Ở THÁI-LAN VỌNG TRUY ĐIỀU NHỮNG LIỆT SĨ NGHĨA DÂN ĐÁ BỎ MÌNH TRONG 2 CUỘC KHỞI NGHĨA YÊN-BÁY VÀ NGHỆ TĨNH

Bài này được đăng tải trên tờ báo «Tiếng Chuông» cơ quan cách mạng của Việt-Kiều ở La-Khon. Tác giả :
 cụ ĐẶNG-THỨC-HỮA

Thật rằng :

Vùng Quế hải gió tanh mưa máu, áng ba
 đào vi tinh thể xui nên !

Côi Viêm bang núi thịt còn xương, nổi
 bi thảm xưa nay chưa mấy có.

Ngoài ngàn dặm trông về cố quốc, non
 sâu bề thảm, quận ruột gan như chín khúc
 tơ vò.

Cuộc trăm năm tưởng tới đồng tâm, cỏ
 úa hoa dầu, dầu sắt đá cũng hai hàng lệ nhỏ.

Anh em chị em ta !
Gặp lúc vận nước suy vi !
Giống nòi cực khổ.

Quân quý trắng, già tay bóc lột, rày sưu
mai thuế, bóc tận xương da !
Lũ lẳng xanh, bu miếng đỉnh chung, bán nước
buôn dân, kẻ chi máu mủ.

Tuy cách mạng đã từng phen bùng bột,
tiếng nổi tâm chí có thừa, mà phương châm
chưa đủ ; sức ve mình chấu dành chịu khoanh
tay.

Thời thì dày bừa hết cách, đàn áp đủ
đường, dầm ngựa ách trâu, hầy còn trệu cổ.

Tội tàn học đua nhau Âu hóa, bình đẳng
tự do thoa cửa miệng, thực lòng vì nước trăm
người chưa có một, ngấm tiền đồ thêm ngán
bọn Tây du.

Bọn cự nho toan kế duy-tân, anh hùng
lãnh tụ chất đầy lòng, thực dạ vì nòi, xóc sỗ
được bao nhiêu, thôi đại sự chắc chỉ người
Đông-dộ.

Nay gặp lúc phong trào sôi nổi, khắp năm
châu trống dục kèn kêu.

Nay gặp người chỉ lối đưa đường, cùng
hồn bẻ triều dâng sóng vỗ

Rừng cách mạng ta góp cây !
Bão cách mạng ta góp gió !

Màn phấn đấu khởi tháng hai năm ngoái,
cõi Yên Bái dậy một phen oanh liệt, máu
quốc dân phun nhuộm đám sa trường.



Chân dung Liệt-sĩ NGUYỄN-THÁI-HỌC

Lãnh-tự Việt-Nam Quốc-dân-đảng ; chủ trương
tạp chí «Nam-Thanh» và báo «Hồn-Cách-Mạng», Cơ-
quan ngôn-luận của Trung-ương Đảng-bộ V.N.Q.D.Đ.

Cuộc biểu-tình liền tháng chín vừa đây,
đất Hồng Lam gầy mấy trận tung hoành, hồn
tổ quốc kêu vang kèn dụng võ.

Nhân dân Việt đã quyết chí tiếm cừ ;

Để quốc Pháp phải già tay khùng bố.

Thương những kẻ gan vàng dạ sắt, lẫn
lóc tuyên truyền vận động, bỗng rủi cơ mưu
bại lộ, nhẹ lòng hồng khi tên máy đoạn đầu.

Xót những người rách áo đói cơm, ước ao
hạnh phúc dân quyền, mà đem tính mạng hy
sinh, phá hang cọp để tìm đường sinh lộ.

Thương những kẻ trong trường thương
mại, phá gia nghiệp ngàn vàng tư trợ, án tình
nghĩ không quản lúc kềm tra.

Xót những người giữa áng binh nhung,
rấp ranh thân Hàn tâm Hàn, chước đảo qua
gầy mấy trận tung hoành, hồn nghĩa liệt
nhoang theo hòn đạn nổ.

Bạn má phấn phất cờ nương tử, chí tang
bồng, duyên hồ thủy, phận liễu bồ vui giữa đám
binh đao.

Bọn đầu xanh kết đội thiếu niên, di diễn
thuyết, phát truyền đơn, đem sinh tử đề ra
ngoài mệnh số.

Thương những kẻ Hỏa-lò Khảm lớn, mài
mật chống cùng oai võ, tiếc nổi gan vàng mà
mệnh bạc, hồn lìa theo ngọn búa đầu roi.

Xót những người Lao-Bảo, Côn Lôn, bấm

gan chịu với phong trần, gặp nơi nước biển non xanh, xác đành gởi ngàn cây nội cỏ.

Òi thương òi ! tắc dạ trung trinh, tấm lòng kiên cố. Những cái chết đáng thương đáng tiếc, đáng dạ nhớ lòng ghi !

Những cái chết đáng quý, đáng yêu, đáng bìa đồng tượng gỗ.

Người ấy vì còn sống lại, còn hy vọng cho quốc gia dân-tộc còn nhiều.

Thân kia dầu có chết đi, cũng ảnh hưởng cho cách mạng đồng bào chẳng nhỏ.

Anh em chị em tôi !...

Tủi phận quê người. Chạnh niềm nước cũ. Đọc đến chữ « Tinh thần bất tử » dạ định ninh kẻ khuất với người còn. Gẫm đến câu « Khí phách trường tồn » lễ truy điệu biếu tấm lòng ái mộ !

... Hỡi òi ! Thương thay !!!

KHUYẾN CÁO QUỐC DÂN CA

(của cụ Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề ở hải ngoại gởi về
đề ngày 11 tháng 5, năm 1944)

Nước mất 60 năm rồi đó
Quốc dân ta có nhớ hay không ?
Kia xem các nước Á-đông,
Diễn, Phi đều đã thoát vòng Mỹ Anh !

Chỉ còn có một mình ta đó
Vấn đề cho Pháp nó đề đầu
Pháp kia còn có chi đầu
Từ ngày thua Đức đã hầu diệt vong
Gọi là nước thật không thành nước
Ấy thế mà vẫn được trị mình
Vẫn còn bạo ngược hoành hành
Mà ta lại vẫn trung thành lạ thay!!
Làm nô lệ đến ngày nào nữa?
Đến ngày nay chưa biết chán sao?
Hỡi hăm lăm triệu đồng bào!
Chuyện ta ta phải tính sao bây giờ!
Chẳng lẽ cứ ngồi chờ đến chết
Giương mắt trông của hết dân cùng
Bảo nhau phải hết một lòng
Phen này ta quyết chẳng dong quân thù
Ông cha trước hình Ngô, sát Thát
Nòi giống mình hèn nhất chi đầu!
Sao ta lại chịu cúi đầu
Làm tòi tở Pháp như trâu như bò!
Mình khốn khổ ăm nọ chẳng đủ
Riêng sướng cho một lũ Tây dâm
Ai người có chút lương tâm
Nghĩ nông nổi ấy cũng bầm tím gan,
Nhiều kẻ vị thắng quan tiền chức
Mà nỡ tâm bán nước hại nòi
Vị tiền cũng lại lăm người
Cơ hồ khắp nước chim mồi chó săn
Ai có chí cứu dân cứu nước
Thì lũ này sửa trước chẳng tha!

Hỡi anh em chị em ta
Hiến thân cho nước mới là quốc dân
Pháp nó cậy có quân có súng
Động tí chi giết sống người mình
Thực thì khổ đỏ khổ xanh
Trừ bọn quan Pháp, toàn anh em nhà
Sao không biết đảo qua đánh nó
Nếu đồng tâm có khó chi đâu
Người mình mình chớ hại nhau
Xin quay ngọn súng trở đầu thẳng Tây
Nay mai sẽ có ngày khởi sự
Các anh em xin chớ ngại ngần
Dóc lòng vì nước vì dân
Giúp ta ngoài sẽ có quân hùng cường
Nay dân tộc da vàng hợp sức
Đánh đuổi người áp bức bấy lâu
Đồng tâm ta phải bảo nhau
Có ra sức mới góc đầu được lên
Này ! những kẻ có tiền có của
Chớ của mình mình giữ khư khư
Đem tiền giúp nước bây giờ
Có công là sẽ có lời lãi to
Chẳng hơn cứ bo bo từng cuộn
Rồi đến thành giấy lộn vứt đi
Làm giàu cũng phải khéo suy
Trước là vì nước sau là bản thân
Nay cơ hội đã gần tới đó
Quốc dân ta xin cố sức lên
Nhất là nam nữ thanh niên
Chớ quên cứu nước là thiên chức mình

Đừng say đắm hư vinh vật chất
Sự vui chơi nên vứt hết đi
Kia trông hai nước Diến-Phi
Họ đã độc lập còn mình thì sao ?
Không lẽ chịu thuộc vào Pháp mãi
Xiềng xích này ta phải phá ra
Ta không cứu lấy nước nhà
Khó mong cái sự người ta cứu mình
Phải quyết chí hy sinh phấn đấu
Vì tự do rơi máu cũng đành
Hãy vào « Phục Quốc Đồng Minh »
Góp thêm sức mạnh làm thành việc to :
Tranh độc lập, tự do cho nước
Cho nước mình cũng được như ai
Đứng trên thế giới vũ đài
Từ đây cũng có mặt người Việt-Nam
Bốn mươi năm đi làm việc nước
Thân già này chưa được chuyện chi
Tuổi nhiều nhưng sức chưa suy
Thủy chung lòng những lo vì nước non
Cũng chẳng tưởng đến con đến của
Cũng không mong làm chúa làm vua
Chỉ mưu đánh đuổi quân thù
Đề gầy dựng lại cơ đồ nước ta
Bởi vì thế, bỏ nhà sang Nhật
Mấy mươi năm nếm mặt nắng gai
Đã hay thành sự tại trời
Gắng công cũng phải tại người mới nên
Vậy nay có lời khuyên thành thực
Xin quốc dân hợp sức đồng lòng

Người xuất cửa, kẻ xuất công
 Người ngoài vận động, người trong thực hành
 Sẽ có kẻ giúp mình thêm nữa
 Việc phen này nếu sợ không xong
 Cốt sao ta phải hết lòng
 Thành công sẽ chỉ trong vòng năm nay.

TÁI SANH TRUYỆN

Nguyên tác bằng chữ Hán của
 Phan-Sào-Nam, Đông Tùng phỏng-dịch

Mấy hôm nay lao-xá Nghệ-an mất hẳn cái vẻ muôn thuở của bất kỳ nhà lao Đế-quốc nào. Những tên lính gác ngục ít sấn sỏ đến gần những tù nhân ốm yếu mà quất những ngọn roi da như mưa vào mặt, hay ban cho những trận đòn không lý do sau một trận thua bạc hay say rượu.

Mỗi khi khóa hay mở cửa ngục, chúng đều thận trọng lấy khăn lau bọt mũi, bọt miệng ; thái độ sợ-sệt khi cho tay vào ống khóa. Quan Giám-ngục, nhân vật điển hình nhất của thế-giới nhà lao với đôi mắt trắng dã, luôn luôn soi-bói vào khắp các xó xỉnh của nhà lao, cặp râu chổi xể mấp máy, cái bụng phệ và cái roi da không rời tay, mấy hôm nay cũng như e-dè với nhà lao, thế giới mà y đã tung hoành hàng mấy lâu nay.

Không khi nhà lao ngột-ngạt khó thở. Tù nhân, những người khinh thường cái chết, khinh thường nguy-hiểm, coi những trận đòn của văn-minh Pháp như những trò đùa, thế mà mấy hôm nay trong giờ phút này họ cũng lộ sắc mặt lo âu. Thần chết như lảng vảng đâu đây và mùi tử khí bao trùm cả nhà lao. Những người ái quốc trong trường học đấu tranh của nhà tù cũng cảm thấy sợ cái chết vô nghĩa ấy : Bệnh dịch tả !... Nhà tù thiếu không khí, thiếu vệ-sinh ; tù nhân ăn uống khổ sở, tra tấn đã làm cho con ma bệnh càng dễ hoành hành và tù nhân càng thêm mau vào cõi chết. Cứ một vài giờ lại có một người chết, mấy ngày đầu còn có chiếu, nhưng sau con số chết ngày càng tăng thì người ta phải đào những huyệt lớn để chôn chung cùng một chỗ hàng bốn năm người. Công việc chôn cất cũng vô cùng cầu thả, chỉ là lấp lấp qua loa cho xong chuyện.



Trời tối sầm xuống. Phòng tù chính-trị không một ánh đèn. Ngoài sân, tên lính gác đi đi lại lại dưới ánh sáng của bóng điện đục ngầu ; thỉnh thoảng y lại ho lên một vài tiếng cho đỡ sợ và đẳng hắng hỏi vọng vào phòng :

— Thế nào chúng mày, có đứa nào chết không ? Khác hẳn thủ tục xông xáo kiểm soát thường lệ của nhà tù.

— Thưa ông mấy hôm nay không có ai việc gì cả !

Trong một góc phòng tối, bốn người trọng tù đang thì thầm to nhỏ.

— Tôi cho rằng cơ hội này là độc nhất... Chỉ có thể thoát thân bằng cách ấy mà thôi, nhưng cũng hơi nguy hiểm, các đồng chí nghĩ sao ?

Một người tuổi ngoài 40 mươi, khoác chiếc áo tù đóng dấu P.D. (Prisonnier dangereux), thân hình xương xẩu làm tăng thêm cái vẻ bi-hùng-tráng của vầng trán cao, đôi mắt thông-minh đầy cương nghị, đang nói với ba người ngồi xung quanh.

— Bác phải nghĩ cho kỹ. Phải làm thế nào cho anh em ngoài biết mà đào lên mới kịp.

Một cụ già cũng chậm rãi tiếp lời :

— Đối với Cách-Mạng, một cán-bộ bị giam giữ nhất định là một tổn thất rồi, nhưng về phần chúng tôi thì chưa cần đến ; còn bác thì thế nào cũng phải tìm cách ra.

Giọng cụ lại trở nên cương quyết : — Mà phải ra cho bằng được, ra để gặp anh em và nhất là sang Tàu để gặp cụ Phan-Sào-Nam trong giai đoạn này.

— Thế bây giờ các bác có ý kiến gì để tiến hành công việc ?

— Tôi có ý kiến thế này : Sáng mai tôi

xin đi làm co-vê (corvées) đề rồi hái lá Ba-dậu về. Ở nhà khi nào thằng Sâm gác thì bác xin nó mượn cái nồi nói là đề sắc thuốc tả. Còn bác Hậu...

— Ừ thằng ấy trông cũng không đến nỗi, ông Hậu tiếp lời. Tôi xin nó nhờ thằng bé bán hàng gọi thằng Năm nhà tôi đang ở ngoài hàng vào dẫn lại anh em một lần nữa.

Trời vừa hửng sáng. Tiếng kèn đánh thức của nhà tù vang dậy. Cửa ngục mở. Lão Giám-ngục sau khi đứng xa nhìn vào trong ngục không có chuyện gì, lại đứng đỉnh đi ra. Lão vưon vai khoải trá khi nghĩ đến bữa lòng lợn tiết canh và mấy đồng bạc trắng của mấy thân quyến phạm-nhân sắp vào cái dạ-dày trống rỗng vì thức thâu đêm với các ả-đào và cái hầu bao đẹp đẽ chỉ có đóng mà không mở của lão.

— Chào ông ạ !

— Chú Sâm đấy à. Liệu đấy nhé ! Có thằng nào gác ngư thì báo thầy Ký nhanh nhé. Tôi về đây, à mà canh bạc đêm qua có rền không ?

— Đêm qua cháu ở nhà vì thằng Cu nhà cháu nó sốt. Ông về ạ !

Sâm xi mĩa mai một tiếng rồi quay trở vào nhà lao.

Không có việc gì xảy ra cả. Tù nhân đang sửa soạn đi làm cỏ-vê. Anh đi lại mở cửa phòng trọng tù :

— Các cụ có ai việc gì không ? Cũng nên cẩn thận, bệnh này ghê gớm lắm đấy !

— Cảm ơn bác, anh em chúng tôi vẫn chưa có việc gì cả. Chỉ có ông Lỗ (tên người trọng tù mang dấu P.D.) bị sốt, muốn nhắn tin mà chưa có ai để nhắn cả.

— Thế à, vậy thì trưa cháu về cháu nhắn cho nhé. Cụ Lỗ thế nào ?

— Tôi thấy người nóng hầm hầm mà trong bụng thì rét và muốn mưa. Không khéo...

Ông Lỗ trả lời giọng run run :

— Giờ thì cháu mắc gác, trưa về qua cụ nhắn gì, cháu hỏi thăm có ai thì cháu nhắn cho nhé.

Ông Hậu nhanh nhẹn :

— Thế này, nhờ bác làm ơn nói với thằng bé bán bánh ngoài cổng lao, cho nó mấy xu và nhờ nó nhắn cháu Nam nhà tôi đến ngoài hàng rào sát bên cầu tiêu ấy. Nay bác cầm lấy đồng diêm thuốc gọi là...

— Cháu không lấy đâu. Cụ cứ để mà tiêu; giá cụ ở nhà thì cháu lĩnh ngay, còn ở đây xin giả lại cụ. Tội quá ! nhất nhất tại tù...

— Không được, bác cứ cầm cho chúng tôi yên tâm. Có thể lần sau chúng tôi mới dám nhờ bác chứ.

Sâm nhần răng cười khi và dơ tay nhận tiền rồi đi ra.

Mấy cái đầu dạn phong trần bạc trắng và hoa râm lại chụm lại với nhau : — Bây giờ thì như thế này: Chốc nữa bác Hậu ra dặn lại cháu Năm về nhắc lại với anh em cho kỹ. Nhớ mua thuốc hít ê-tê (éther), chốc nữa bác Thục đi làm cỏ-vê thì thế nào cũng phải kiếm cho kỳ được lá Ba-đau, vì đến trưa là tôi đã sắp uống. Tối thì nhất định là lã hơi, chúng nó sợ tất phải cho chôn ngay. Còn việc hòm vỏ và chôn cất như thế nào thì chúng ta đã thảo luận kỹ rồi, các bác nhớ làm cho kịp thời là được !

Cả bốn cái đầu lại gật gù thông cảm và say sưa trong một niềm tin tưởng ở thành công mỹ mãn.

Chập tối hòm đó, trong lúc tù nhân đang im lặng trong bầu không khí hãi-hùng thê-thảm, nghỉ cái giấc ngủ ngắn ngủi để rồi ngày mai lại đem xác ra đọa đầy, thì bỗng có tiếng kêu :

— Các thầy linh ôi, ở đây có người sắp chết rồi ! . . . Tiếng kêu vọng ra nghe thê thảm, như báo hiệu cuộc hành trình rùng rợn của Tử thần dịch tả trong đêm tối.

Nhà lao xôn xao, cai ngục, lính gác nhón nhác. Tên Giám-ngục quay cuồng rối rít.

— Đứa nào thế, chết chưa ?

— Thưa ông Lộ ạ ! Ông ấy đi ngoài từ 3

giờ chiều đến giờ, thượng thổ hạ tả không sao cầm lại được.

— Lộ à, cho nó chết quách đi ; thằng giặc ấy nguy hiểm lắm ; chú Sâm chạy mau đi mời thầy Kỳ xuống xem sao.

Lát sau thầy Kỳ xuống, mũi bịt miệng bung, tay bao găng, áo blouse trắng. Cả người thầy toát ra một mùi còn thơm hắc. Thầy đứng ngoài xa nhìn người tù quần quai trong những cơn mưa và đi tả không dứt, mồ hôi ướt thấm, tiếng thổ dài đứt quãng. Thầy nhíu mày rồi vừa đi ra vừa truyền lệnh một cách vô tư lự :

— Cho sẵn sàng đi, chôn cho thật nhanh...

Giám ngục đang suy nghĩ tằn ngần. Ông Hậu đến bên van xin kể lể :

— Bẩm quan, bác Lộ chết ; nghĩa tử là nghĩa tận, chúng tôi xin phép quan được đưa bác ấy ra nghĩa địa và mua cho bác ấy một cỗ ván... Gọi là chút lòng thành xin quan vui lòng nhận lời cho. Dứt lời ông Hậu dúi vào tay giám-ngục mấy đồng bạc trắng.

— Nề các anh là người có tuổi tôi mạn phép cho các anh mua cho anh ấy cỗ-ván. Tôi không lấy tiền đâu.

— Quan vui lòng nhận cho, chúng tôi cảm ơn quan lắm rồi !

Giám ngục cười gằn vừa dúi vào hầu bao

mấy đồng bạc và truyền linh :

— Chú Sâm đâu, dẫn mấy anh này ra phố cho nó mua cỗ ván...

— Dạ !

Tối hôm ấy khoảng 10 giờ đêm, một người linh gác ngục dẫn hai người tù gánh một cái quan tài ra nghĩa địa theo sau ánh sáng lập loè của một ngọn đuốc. Quan tài bằng gỗ tạp có nhiều khe hở. Huyệt đào rất cạn và chỉ lấp đất qua loa... Rồi cũng trong đêm ấy dưới ánh sao lơ mờ, trong cảnh âm thầm vắng lặng của nghĩa địa, bốn người đang hi hục đào một cái mộ. Sau khi quan tài được cạy lên, cả bốn nụ cười cùng nở một lần để đón chào một cái thứ nằm dường như héo hắt vì quá mệt. Có tiếng hỏi thì thầm :

— Mệt lắm không anh ?... Anh Lộ !..

— Có...Mệt...lắm!..—Xác chết trả lời dứt quãng.

Sau khi hồi hả lấp đất lại như cũ, bốn người đi một, đoàn người lặng lẽ ra đi như năm bóng ma trong đêm lạnh...

Hai tháng sau, trong hội-quán Việt-Nam Quang-Phục Hội ở Đại lộ Võ-Xương (Quảng-Đông) có hai người, một già, một trung tuấn đang ngồi đối ẩm. Câu chuyện ròn tan, người già vỗ vai người ít tuổi ngồi trước mặt mình nói với giọng đầm ấm thương yêu nhưng

không kém phần cương nghị :

— Con khá lắm, diệu kế này chỉ có người cách mạng, vì dân tộc và tổ quốc mới có thể thực hành được, mà cũng mới có cả gan làm được. Chính bác cũng chịu con.

Cụ Phan-Sào-Nam nhấp tiếp ngụm nước trà trong khi ông Bùi-Chính-Lộ kể nốt đầu đuôi câu chuyện thoát thân của mình...

Rồi cũng từ đó Việt-Nam Quang-Phục-Hội được tăng cường thêm một chiến-sĩ. Ông Bùi-Chính-Lộ lại bắt đầu tiếp tục hoạt động khi ở Tàu, khi ở Xiêm ; để rồi một buổi chiều, thu năm 1914 lại có một người chiến-sĩ cách-mạng Việt-Nam cần lười tự-tử, ngay khi bị hắt ở bến tàu thủy Vọng-Các, để cuộc khởi nghĩa do Việt-Nam Quang-Phục-Hội tổ chức lợi dụng sự thất trận của Pháp thiếu người lãnh đạo, và cũng để cho ông già trán cao mắt sáng ở Quảng-Đông nhỏ lệ khi biết tin người đồng-chi ít tuổi hơn đã bỏ mình một cách vô cùng khảng khái mà viết ra thiên tiểu sử «TÁI SINH TRUYỆN» để tưởng niệm người đồng chí, người môn sinh BÙI-CHÍNH-LỘ ở Huyện Nghi-lộc, tỉnh Nghệ-An.

MỤC - LỤC

Lời nói đầu

Phần thứ nhất

- Chương I.*— Những đạo số tấu, những bản điều trần của mấy nhà ái quốc chí sĩ thức thời 5
- Chương II.*— Chiếu Cần-Vương của vua Hàm-Nghi và Hịch Cần-Vương thảo tặc của Văn-Thân khởi nghĩa 11
- Chương III.*— Những áng văn Cách-mạng qua các phong trào Đông Du ở Nhật và Quang Phục ở Tàu. 18
- Chương IV.*— Báo chí : Bí mật, công-khai, quốc nội, hải ngoại của những đảng phái Cách-mạng : Tân-Việt Cách-mạng, Việt-Nam Quốc-Dân Đảng, Việt-Nam-Thanh Niên 31

Phần thứ Hai

Phụ lục nguyên văn các tác phẩm đã liệt kê ở các chương trên.

Tập Sách BÚT CHIẾN - ĐẤU
của Đông-Tùng, in tại nhà in
Kim-Ngọc, 1 đường Trần-văn-
Thạch Tân-định-Saigon. Ngoài
4.000 cuốn in trên giấy thường,
còn in thêm 30 cuốn trên giấy
blanc fin có chữ ký của tác-
— giả đề tặng (không bán). —

HỘI KHÔNG-HỌC VIỆT-NAM

ĐẤ XUẤT-BẢN :

TRÍCH DỊCH MINH-TÂM BẢO-GIÁM

Phiên âm, dịch nghĩa từng chữ. Giải nghĩa từng câu. Dịch thành văn vần từng bài.

BÚT CHIẾN ĐẤU

Lược sử đấu tranh giải phóng dân tộc Việt-Nam trong mặt trận văn nghệ, báo chí.

SẮP XUẤT - BẢN :

KHÔNG-TỬ VÀ KHÔNG-HỌC

TRUYỆN KÝ KHÔNG PHU TỬ (bằng tranh)

80 NĂM CÁCH MẠNG

DANH NHÂN CÁCH MẠNG VIỆT-NAM

KHÍ TIẾT NGƯỜI XƯA

CÂU HÒ QUỐC SỬ

KHÔNG-HỌC PHỎ THỒNG

LUẬN NGŨ DIỄN CA

NGƯỜI CON HIẾU VIỆT-NAM

NGƯỜI TIẾT PHỤ VIỆT-NAM

PHÒNG MỸ - THUẬT

Trên Hồ

QUANG CAO HỘI HOA
KIẾN TRÚC TRANG HOÀNG

*do một số Họa-sĩ Đại-học Mỹ-thuật
phụ trách*

Giám đốc : Họa-sĩ MAI-LÂN



- ★ Một phòng tranh trưng bày thường xuyên các tác - phẩm giá trị.
- ★ Một cơ - quan cồ - động đặc - lực cho các giới CÔNG, THƯƠNG, KỸ - NGHỆ - GIA.
- ★ Chuyên-trách các việc tổ-chức trang-trí CHỢ-PHIÊN, HỘI-CHỢ, DINH-THỰ, XÍ-NGHIỆP.

400, PHAN - THANH - GIẢN - SAIGON

Giấy phép số 1715/XB ngày 5-10-57
của Nha Thông-Tin Nam-Phần cấp.

Giá : 22đ.